nào coi nước Hoa-kỳ cũng đã phân-chấn trong lòng, hứng-khoi trong tri,
vi biết tinh cãi nghĩa-lực con người ta có thể hiện-hoa được mặt địa-cầu,
tạo-thành nên cuộc lịch-sử. Căng những
dấn yên hàn mà còn giữ được cái hứng tư-tồn, chửa dấn.rs
khấu với phần liệt-bại, thì biết đến lịch-sử sự tiến-hoa
của Hoa-kỳ, lại càng như tình thân
bồn, tan giấc mơ, cãi chấn lạy mà
điền tri-não, như người ơi chén
thuộc bổ, không sắm, nhưng, quả, phu
nào bàng!

Mới đây tôi có đọc một quyển sách
rất hay đề là « Khỉ-lặc nước Mĩ » của
một nhà danh-sĩ sưu Pháp (1), trong
ba trâm trang gồm được hết cái triệt-
lý của sự tiến-hoa nước Hoa-kỳ. Chỉ
có những tay văn-sĩ nước Pháp mới
có cái tài nói ít mà nghĩa nhiều,
những văn gián-dị mà tự sưu xa, tường
giá vào tay nhà làm văn nước khả
phó-diện đến máy quyển sách, mà vào
tay người Pháp chỉ rứt trong một
quyên gôn giong, để đọc để hiểu, mà
giánh được hết những điều cốt-yêu,
giải được hết những lẻ quan-trọng,
khoảng thừa không thiếu, không
quá yếu để làm ra ông hứng-hồn, không
chiu hút nghĩa để vư lối văn bông bát,
van-chương bao giờ cũng tùy theo cái
tu-tướng mà khi lên, khi xuống, khi
nhaft, khi thưa, bao giờ cùng sáng sa
lun-loát, như gióng nước suối chảy
dưới mặt giới, những bao giờ cái
tu-tướng phải ép uốn với chiều văn
châu văn em tài vai miệng, hay là cho
hợp nhị đăng câu sâu cữ; thiệt-tường
cãi lời làm văn như thế mới thật
lạy, và có giá-trị hơn những lời tiêu
sào biết bao nhiêu! Sách « Khỉ-lặc
nước Mĩ » ban ngày thục là một cái
mầu văn-chương như thế, văn-chương
lắm cái ơi cho tư-trưởng, ò vô-ra-văn,

không rồng, không hệp, không dại,
không ngần, không sọ-sêch, không bô-
buộc, vìra gôn-ghé, vìra nghiêm-trang,
mỗi biết người thì tài-phường không
phải là tay thường vậy. Cho nên tuy
sạch này không phải là một sách thiên
văn-chương mà đã được hồi Hân-lâm
nước Pháp ban thường : những nhà
văn-sĩ bèn qui-quê mà được các quan
Hân-lâm là những tay kỳ-cựu trong
làng văn-biệt-dài như thế, là đã liệt
vào những bậc trước-danél vậy. Và
sạch này lại là thuộc vào một bộ « tung-
thur » đã nội tiêng trong hoạn-câu, đã
truyền rộng cả danh-dự của học-thuật
nước Pháp. Trong bon tay-học ta,
phảm những người hiểu-học ham biết
các tư-tưởng mới, ai là người chẳng
biết cái bố sách bia do trói-loi, nhân
dể nghiêm-trang, bàn về kháp các văn-
dẹ, các khoa-học, tiến những tên các
nhà danh-sĩ trong học-giói nước Pháp?
Bố ấy là bộ « Triết-ly-tung-thur » (Bibli-
thèque de Philosophie scientifique) của
quan bâc-sĩ Gustave Le Bon làm lòng-
tái vậy. Ngày nay bê học mênh-mông,
thiên môn văn-loại, đâu người thiện-
tài cùng không thể nào thiệp-liệp cho
hết được : nhưng đã các sách trong
bộ tung-thur này cũng đủ có cái tri-
thúc cao-cao mà xét được cái công tư-
thường học-văn của nhân-loại văn-minh
trong cái đổi dung nào-lreck nhiều nhất
trước cổ-kim này. nước ta ngày nay phải
cân những người có học-thúc, có cái
hoc-thúc thành-thúc thám-thiet, chô
khô phải cái học-thúc để huynh-
dieu người dài ; còn cái giông-tho-tho
văn thì đã đành là thuoc vào lệ
dao-thái chung của giới đất vay. Vây
dám khuyên những nhà tay-học trong
nước muốn học muốn biết nên chăm
dốc những sách có ích-loi cho tri-thúc
nước bộ « Triết-ly-tung-thur » trên kia,
và dùng nên say mê những sách phong-
tinh-tiên-thuyết.

Đàn-chi đã tự- nhiêng đến các tư-
thưởng mới có điền ra nơi quóc-văn
ta, vậy khi nào nhân đọc được quyền
sạch hay xin giờ-thiêng cho các bạn
biết, mong giúp được một phần vào việc
gấy-dùng một nê nen cao-dàng-học-thúc
cho nước ta trong buổi giao-thời này.
Lần này nhân sách « Khi-lực nước
Mĩ », bàn về sự tiên-lơa nước Hea-
ky. Di thân-du sang đất Hoa-ky tương
không có cái xe « chi-nam » nào chắc-
chăn hàng sách này vay.

Nước cốt ở người, người họp nau
lai thành xã-hội. Muôn biết một nước
tiên-hóa thế nào, trước nhất phải biết
cái « nguyên-chất » nó là người, cái
« hòp-chất » nó là xã-hội có những
dac-tinh gì đã. Vậy ta phải xét những
« nguyên-chất » gi là thành ra dân
nước Hoa-ky, rồi xét đến địa-thế, đến
lịch-sử, rồi hinh-dung lại cái tâm-lý
người Mĩ và ta ra cái tình-trang xã-hội
nước Mĩ.

Đàn Hoa-ky không phải là thuân
một giống người, thực là gom cả các
giông Âu-chau mà đông-hoa trong một
cá lô chung. Sự đông-hoa ấy hiện nay
vạn cồn, vi không ngày nào là không
có người Âu-chau sang đi-đe bèn Mĩ-
chau và dân-dan biết thành dân Mĩ
cá. Như thế thì sự đông-hoa ấy tát
phái manh lâm mới dung-hợp được
những giống người khác nau như thế
mà làm thành một dân-quốc thưân-
nhat. Bởi những người-ngán gi mà
nước Hoa-ky có cái sức đông-hoa
mạnh như thế ? Xet ra thì thứ nhất
bôi cái tư-cách tổ của những người
mới bất đầu sang thục-dân ở đất Mĩ
trước nhất, thứ nhì bôi cái thiện-thơi
dia-loi riêng của nước Mĩ ; hai cái
người-ngán áy cùng thì-hạnh, dù
luyện thành một giống người mạnh-
mẽ siêu-năng nhất trong thế-giói, hơn
cả các giống người cug.
NAM PHONG


Nay người đã có, lại gặp được thiên-thời địa-lio cư tốt, thực có-kim chưa có đâu tốt bằng. Người ta thường nói đất Mi-châu là cái kho vàng của thể-giói, thiết như thế. Mà cái kho Hoa-ky đến thế-ký thứ 17, chưa cùng có ai đến lượt, vẫn còn chốn trong dòng rộng rưng s Nationwide. Hơi đâu mới có một rái phià
đồng, men bè Đại-Tây-duong là bất
dấu khai-khăn, cây cày, trống bồng,
trống thuốc là; tuy người còn ít, may
mọc cùng chưa có nhiều, mà trong
khỏang muôn mươi làm năm cái cỡ
thịnh-vương đã trọng thây. Còn cả
miền trung-tròng, rồng-rắn biết bao,
dát tốt vô-ngân, cả ứng phía tây, mê
sát mê vàng vô-số, chưa hề có bước
chân người đến bao giờ. Bay giờ bao
niên những dân mới của Âu-châu đồ
sang, xó nhau mà tran về mặt tây,
tra-hồ như cái khoảng-không vô-han
nó có cái hấp-lic rất mạnh mà hút
người ta lại vậy. Làm người hôm trướcc
ngheo-dôi xác-xo, Hôm sau đã biết
thành ông chủ roman ngịnh văn
mẫu! Ai bước chân xuống đất Mỗi
vào schon Dao-nguyn, rõ sạch cả cái
trần-cầu của Cựu-Thể-giói, mà thành
ra trai-trẻ, mạnh-mề, hăng-hái, quá-
quyết, chỉ có một cái chỉ làm giàu,
sinh-sắn cho được thật nhiều của cái,
mó-mang cho được thật nhiều rừng
ruộng, không còn tự-trướng gì khác
nữa. Đây cái sức cẩm-hoa của trien-
thời dia-loi cùng lại mạnh như thế.
Đồng một đam người tập-nhap ở
khắp mọi nơi kéo lại mà biết thành
một quan-dưới hung-cường, đủ tài đủ
sức ra quyết-dấu vào tạ-vật để thu-
hoạch lấy của cái cho loai người! Quan-
dổi ấy mới may một thêm bính, mà
những lãnh mới đăng đã có sẵn công
việc làm ngay, có tài có chỉ chẳng bạo
lâu có thể lập chiến-công mà mong
bước lên hàng tướng-ta, ví ở thể-giói
mới này, người ta thằng-tratég làm,
không có nhọc-nhan khó-khăn như ở
những nước già-cô-ta.

Người ta mà đem đất cho sinh-hoat
ở một nơi cânh-vật menh-mông, không
phải canh-tranh với ai, không phải cái
gi han-chê, biết rằng có tài có sức thì
thù-nhiên chiếm được những của-cái vô
ngần, tất sinh cái bừng tự-tin, muốn ra
thử sức xem được thua thế nào. Thự
hay hằng-hái; xét về tâm-lý ở trong
thì có những tính-cách như sau này:
thủ nhất là cái tính "hiếu-sứ", ham
lầm, ham xuất-lực, lúc nào cũng muốn
lắm còn nhiều-kia, không thể ở
không được, dù kể bàn-tien cho đến
kể giau sang, dù những kẻ thọ thuyên
còn nghèo kiếm cho đến những bác
phú-hảo vượt của di không hét, không
ai lấy sự an-nhan làm sống, ai cũng
hết sức làm việc, làm để tiêu-dùng cái
khí-lực dừ-dừ, chỉ không một lần để
lạy của lấy giau, cho nên dẫu người
đó vào cái địa-đi không phải lấy sự
lao-dồng làm sinh-nhái cũng tìm những
cach thế-thao, cách vận-dong cho mảnh
mệ thanh-thê, cho phần-chấn tỉnh-thần,
thúc là tú-cach một dán dưỡng trai-trẻ,
chựa biết một nhoé lúc này cãi gi;
-thứ nhất là cãi tính "sáng-khoái", muôn
dạt mơ ra, không muốn làm theo
người trước, không chung những việc
da sần, những nghèo đã thành, cái gi
không vung mơ thich, cái gi không
chắc mơ ham, và làm nghèo gì việc gì
cừng cho là làm cài, vì cái chén mồng
muôn làm mơ mãi lén, chửa lấy thê
là mạn-ngu y엔; — nhân đó mà sinh
ra cãi tính "mào-hiem", vì những
sự khó-khăn ngày-huyn như cõi bồn,
lấy trường kinh-tế là một nơi chiêng-
dau, người nào biết can-dám hiểu minh
là người ấy được, người nào hay nho
ho đết-dết là người ấy thua, nên thây
việc là làm, càng việc khó lại càng-thích,
căng việc ngày lại càng ham, không
quán sự lời hối về sau thế nào, khiến
có người làm sạch đã nói: "Người
Mĩ có sự hài như người anh-hùng có
cãi chê clot.Xét trong tâm-lý người Mĩ, thì
phân "y" (volonté) là phân manh hon
hạt, vi đã có tính hiếu-sứ tính mạo-
hiem, phái có cái y quá-quyet luôn
một làm nên việc; phân "tri" (intelli-
gence) thì gián và trực, phân suy xét
chi chú cho thẳng, cho tôi nói ngay,
không vu lạy sâu-sắc, lạy cao-minh;
dến phần "tinh" (sentiment) thì kém
nhat. Người ta thường nói người Mĩ
tình vô-tình, nghĩa là không để cảm-
dòng như người các nước khác. Dâ lây
cuộc đời làm một trường chiến-dâu,
ai khóe được, ai yên thua, thời ai thua
là người hay hên, người được cộng dân
mà đã lòng thường xót làm gì; và
việc khác còn nhiều, cũng không lục
nào nghi dễ sự thường người, danh
xang tràn ấy còn danh trận khác, vì
đội người là một sự chiến-tranh không
cũng. Nhưng cái luân-lý của người Mĩ
dó là cái luân-lý kể trước-phu không
tra những giống yêu hên, chỗ không
phải là cái chử-ngũa ac-nghỉp, có-ý
hai người dễ lợi cho mình, lấy cùng-quyên mà áp-ức kể kèm mình.

Áy cái tâm-lý của người dân Hoa-
ky như thế. Nay xét đến tính-cách
của xã-hội nước Hoa-ky thì cũng là
suy-nguyễn ở cái tâm-lý ấy mà ra. Cả
xã-hội nước Hoa-ky vi như một cái
xướng làm cộng lơn, hết thấy mọi
người chỉ chủ một mục-dích, là hết
sức làm cho sinh-sản được thật nhiều
của-cài. Ai cũng là người thở làm cộng
cả, không có kẻ ăn không ngồi roi,
nhưng trong bốn thợ với nhau đều là
bằng-dạng, vốn không có phần-biet kẹ
sang với người hên, không có chia ra
dằng-cấp như trong các xã-hội khác.
Song người nào kẻo chống làm nền
con to, hư hỏng phần phụ-quí, người
khác Trọng thây không hê ghen tị mà
lại tư phần-lê lén, biết rằng có tài gặp
dip cũng có thể tôi kíp được; người
nọ làm xuống cho người kia, cứ-quốc
dêu một lòng một chì, trách nào nước
chẳng giàu, đàn chẳng mạnh? Trong
một xã-hội lấy sự "cục-lực-dộng-tác"
(travail intensif) làm mục-dích, chắc
rằng không có những lẹ-loi phap-tác
nghiệm-nhất như các xã-hội khác,
mỗi người được tự-do mà dùng hết
tài hết sức cho làm nên sự-nghiệp,
nhưng ai cũng chỉ chủ một việc ấy mà
những việc công trong xã-hội, việc tư trong gia-dinh, đều không có là quan-trọng cả.


việc có giới, vẫn giữ quyền tự-do độc-lập, cơ lucrơ cao mới làm, không thuận bộ lúc nào cũng được. Có người đã nói: «Người Mỉ ở đới như người lãnh điên tran»: nay dòng dạy mãi dòng đó, đâu có việc thi di, gọi lúc nào cũng sẵn, chẳng phải là sự thương của kẻ chính-phủ ru?


* *

Ày người Mỉ như thế, xã-hội Mỉ như thế, nay ta xét sự tiến-hoa của nước Mỉ về đường kinh-tế, đường tinh-thần, đường tri-thức, đường chính-trị thế náo. Trước hết xét về đường kinh-tế, vi ta đã nói nước Mỉ là một nước chuyên trong đường kinh-tế hơn cả, hỗ đâu thành-lập cùng vì lẽ kinh-tế, rồi sau sinh-hoa tiến-hoa cũng không ra ngoài lê kinh-tế.


Trong cuộc tiến-hoa của nước Hoa-ky về đường kinh-tế chia ra hai thời-

Như nghề chế sả và chế than trước kia vẫn nước Anh là hơn cả hoạn-câu, mà bất đâu từ năm 1890 thì gây nhất về đất nước Mĩ, không còn ai dèn đó được nữa: năm 1890 nước Anh sản 181.600.000 tấn than, nước Mĩ sản 141 triệu; đến năm 1904 thì nước Anh tăng 232 triệu, nước Mĩ tăng 334 triệu, trước kém 40 triệu, sau hổ 102 triệu. Lại năm 1900 nước Anh sản 9 triệu 500.000 tấn sáng, nước Mĩ 13.800.000, đến năm 1904, có bồn năm mà tăng đến 18.000.000, trong số ấy thì 15.000.000 tấn chế ra thép.


việc gì ở nước Hoa-ky cũng là thuộc về đường kính-đế cả, và cả văn-mệnh nước Hoa-ky thực là ở trong vững kinh-

hợp nhau lại để như thế, bổn thơ-thuyền, bốn làm công, tức là bốn lao-
dộng, cũng phải đạt cách bào-hoạ lại quyền-loi của mình, sự các nhà có của kia xâm-doát mặt, bèn cũng hợp thành những hội «liên-hợp » lớn, để cốt nhất là giữ cho những người họ có chân-hơi được tiên công vừa phải và giữ làm không quấy, cũng khi tai-
nạn được tiến bội-cấp, tiến bạo-hiem. Hiện nay có một hội tổ nhất gọi là «Mi-quốc Lào-dộng-giói liên-hợp-hội» (American Federation of Labor), lập từ năm 1888, hiện có 2 triệu người họ-

Nước Mĩ không phải là cái quá-vật ấy. Và cái quá-vật như thế dử có cũng không thể sóng đong. Nước Mĩ thực là một cái quan quế-dồn rõ ràng mình trong thế-giói. Mà cái quan quế-dồn ấy sinh-

Lịch-sử nước Mĩ rõ to như bận tay. Và cũng không cần phải xét nước
den lịch-sử mới biết cái quan-thần thế nào. Cái quan-thần ấy cũng do ở đường kính-đế mà ra. Nhiều người cũng ở với nhau một nhà, cũng như, một đường sinh-hoat như nhau, cũng có bấy nhiều sự lojí hai giống nhau, cùng liên-lạc với nhau về đường kính-đế, thì đủ có sự nghi-ky nhất-

Nay xét denen sự tiến-hóa về đường
tính-thần và sự gây-thần cái quan-
hơn của nước Mĩ.

Một nước muốn cho thành «nhân-
cach» một nước, phải có một cái

quốc-hơn mới đươc, nghĩa là một cái
chủ-nào chưng khien cho người trong
nước ấy biết rằng mình thuộc vào một
doi-anh lòn, bèn-chất, vinh-viễn, minh qua di vấn còn lại, dễ tiến-biều
mái cái thanh-danh những sự-nghệp
vê-vang của người trước đã làm nên,
của chính mình đương làm, và của
gười sau sẽ làm nữa. Nước không có

quốc-hơn cùng như thanh-thần không có

linh-hơn, sòng cùng như chết, không
gọi lại nước đươc. Như nước Mĩ, vi

không gay thành một cái quan-hơn cho

xưng danh với cái văn-mệnh lòng-lạo

của nước ấy, thì có khác gì một cái

công-ti buôn lòn hay là một sòng bạc
to như thiên kiến đã nói không? Nhung

một nước dã thi-nương, dã phát-dạt

như thế, không có lẽ không có một cái

tính-thần chúng, không có lẽ chỉ sóng

về đường vắt chÉtat, về đường kinh-

thể mà thôi đươc. Nếu thế thì thật là một

cái quá-vật trong giói-dát. Nước

Mĩ không phải là cái quá-vật ấy. Và
cái quá-vật như thế dủ có cũng không

thể sóng đong. Nước Mĩ thực là một

cái quan quế-dồn rõ ràng mình trong

dường-kính. Mà cái quan quế-dồn ấy sinh-

trường ngay trước mặt ta, ta có thể

chiệm-nghiệm mà biết từng tình-dó

tiến-hóa thể nào.


Nha lam sach ke ca li chuc su cua minh xong, roi ket ma noi rang:

"Toi da ke chuyen the nao ma toi thanh ra nguoi Mi. Toi lai xin ke the nao ma toi biet rang toi da thanh nguoi Mi, ma thanh mot nguoi Mi hoan-toan.

"Bay gio toi lai ve tham me toi mot lan nua, di qua cau dat ma thua nhoe toi da sinh-truong o day. Toi vra den thanh Elsinore, thi toi phai cam sot re, nam liet-vi trong may tuan-le o nhoe mot nguoi anh em ban ngay tren bo vung be Oresund, la noi phong-canh deo co tiec.

"Khi toi da bot sot, nguoi nhu dem giuong toi nam vao mot cau buong trong ra be. Nam day trong anh sang mat gioi nhu nhay nhu sua tren ngon song, ngoai xa thi ray nui Thu-dien (Suede) xanh biec ca chung gioi. Thuyen tau do lai, gio tho giuong huom, ca chay nguoi ca chay xau, rong-ruoi tren con drug gio-thong cua van-quoc. Nhung trong cau canh-sac thanh-quang, mau gioi sac nuec deu nhu the, ma trong long toi khong that cam-dong gi. Toi nam do, chan dap vao cau men, trong long chon-ngan, nhu lan-lieo, nhu buon rau, — khong hiieu vi co lam sao.

"Vut thay di qua ngang day mot chiec tau lon, ap tan gan bo, mot chiec tau ma tren ngon co phat-pho lam co tu-do, gio be tho len trong ro-rang ruc-ro trong ngoi sao mot. Bay gio toi moi biet trong long toi dau don vi sua gi. Thoi, benh tat di dan ca, thoi, trong nguoi khong that buon rau chon-ngan gi nua! Thoi, quen ca nhung nong-noi yeu dau mot nhoc, quen ca nhung nhiem dan ca ong that thuc, ca nguoi ho-benh!... Toi ngoi dung day, vua keu vua khoc, tay vung ca khian mat nhu chao nhu goi tam quoc-ky trong di Ngoai kia. Nguoi

nha truong toi me sang, toi noi khong, toi van tinh. Khong nhung toi khong me ma den bay gio toi moi that la tinh, tinh ca than-tri, tinh ca tam-hon. Bay gio toi moi biet rang cau la co do moi that la co cau toi, ca quan huong cua lua con toi moi that la que-huong toi, ma ngay noi toi that da thanh hoan-toan la nguoi Mi vay. Roi toi cam on gioi, that trong minh nhu nguoi phai beng te moi khoi, dung phat day vve nhau, tait-benh nhu khong..."

Mot nuoc ma khein duoc nguoi ta yen-men nhu the, tat phai co cai quoc-hon manh lam moi duoc. Quoc-hon nuoc Mi duoc manh nhu the la kho cau suc chung cua ton-giao, cua su giai-doc cung cac su-nghiệp cua xa-hoi.


nào tin dạo là nguoi ay yên nuoc, vi dạo trước dà durong ra nuoc, may van


(1) Firme Roz. - L’idéalisme américain: Ralph Waldo Emerson (Rèvre des Deux Mondes 1902).


* * *

Nay bàn đến sự tiến-hoa về đường chinh-tri.

nuốc Hoa-ky vấn là điểm.Year các nước khác. Nay ta kẻ qua lịch sử và và tình cảnh của cải Quốc-gia Mỹ như sau này:

mây cái vấn đề ấy làm mấy điều khuyên-hám to trong cuộc tiến-hoa nước Hoa-ky. Nay ta đã biết sự tiến-hoa kia thể nào, ta cũng nên xét qua điều khuyên-hám này làm sao?


Oi! nghi-lirc! cai nghi-lirc la cai chi chi, ma lam nguon-goc moi su phu-cuong moi su uu-thang, moi su dac-loi o doi nay?

Van biet rang the-gioi la mot chon canh-truong lon uu-gia-thang, liet-gia bai, la cai cong-lex cua gioi dat. Nhung trong co uu-thang liet-bai, cai y-chi con ngroi ta cung co mot phan to o day, co ngroi da noi: ta muon khoe duoc khoe, ta muon yeu duoc yeu, ta muon thua duoc thua, ta muon duoc duoc duoc. Van nuoc chi con hhang soi toc ma cai nghi-lirc nguoi ta co the van-hoi lai duoc. Van nuoc duong vao hoi toan-thinh ma cai tho nhu nuoc yeu-hen co the lam cho nguy-vong duoc. Duoc thua la o typ minh,

dung co trach phan cung than gioi, ma cung dung co y-la siengroi quen than. Ta nen nhoc cai ly-thuyet cua nhia triet-hoc Mi (William James) ma biet rang ngroi ta muon sao duoc vay, muon manh-bao nen lam ra bo-dang hung-dung, muon yeu-hen cung deo lay net mat u-sau, than-tho hung-dung tat than-tri cuong-cuong, bo-dien u-sau tat la gan mon oc heo. Cho hay mot nuoc muon song muon khoe, tuyet-the ngay duoc cai triet-hoc co-dong su khoe su song, nhung thuc-hanh cai triet-hoc ay, chang da phai co cai nghi-lirc phi-thuong moi duoc ru?

Pham Quynh.

Cach- ngon tay

— Su hi-vong lam mot cai linh-hon thu hai cho nguoi that-y.
— Khon that, hay la ngu that deu khong hai; chi co ke nha khon nha ngu mot la rai nguy-hiem ma tho.
— Pham lam viec gi luct sap thanh-cong, thoai cang bi khon-nan lam.
— Cai hay cai dep minh khong sao tu biet duoc minh.
— Cai sang cua bun-tay thoi cung bong mat gioi chien lam han

Song-Kim thuat
VĂN-HỌC

KINH-TÊ-HỌC (1)

(Dịch sách Kinh-tế-học-tổng-luận của quan luật-khoa tiến sĩ A. Touzet)

III

Kinh-tế-học quan-hệ với luân-lý và pháp-luat Thế nào?


(1) Xem Nam-Phong, ở số 12.


giá công cho phải chăng; kinh-tế cùng
day như vậy mà chúng ra rằng phạm
thực công công cao rồi làm càng được
việc. — Luận-ly là không tự cải lương-
tầm người ta, mà truyền cho người ta
phải nên làm thế này là phải, không nên
làm thế kia là trái; nhưng nếu cái me-nh
lệnh của luân-ly truyền ra mà lại trái
với sự lợi-ich nhóm-tiền của người ta,
thì người ta tật không chịu theo; cho
nên kinh-tế-học lấy sự lợi-ich nhóm-tiền
mà định cái cach cừ-xứ của người ta,
như thế thì kinh-tế không thuộc luân-ly.
2. — Kinh-tế quan-hé với pháp-luat thế
nào? — Pháp-luat là cái phần luân-ly
thiết-dùng, phải cân để bão tön cho một
xa-hối vào một thời buồn nào. Kinh-tế
thì đặt phuong-phép thế nào cho mọi
người ở trong xã-hội khi phải khó-học
lắm mà được thoại-măn nhưng sự mình
cấm dũng. Pháp-luat định cái cách người
ta phải ở trong xã-hội thế nào; pháp-
luat giảm độc việc phân-phát tài-sản, bất
goại mọi người phải tuân theo khé-ức, gir cho
trong xã-hội được hòa-bình. Kinh-tế thì
theo sự yêu-cảm thiện-nhiên của người
ta mà chỉ cho nada làm luật nhưng phép-
tắc nen thi-hành; nada làm luật nhân
nường phép-tắc ấy mà định ra luật-pháp
bat mọi người phải theo.

Thì dụ như sau näy thì dủ biết. —
Kinh-tế-học dây rằng cái quện sở-hữu
riêng cho từng người (propriété individué-
elle) thi tiền cho việc sinh-sấn tài-hoa
và thoại-hợp với sự yêu-cảm trong xã-hội.
Sự do xét ra đa qua dũng rời, pháp-luat
bên nhân dây mà đặt thành luật-lề, rời
các luật-pháp cùng khuynh-hướng cá về
một đường ấy. Kinh-tế-học lại dây rằng
phảm khé-ức đất ra có tuân theo thì sự
sinh-sấn tài-hoa mở tang-tiền len được,
vi người sinh-sấn mở chắc được hưởng-
loại cải công mình làm. Pháp-luat bên
nhân đó mà định rằng khé-ức đời đất ra
hai bên phải tuân theo, người nào phân-
bối có tội. Lại như khi nào kinh-tế-học
xướng lên rằng quyen sở-hữu phải tác-
hợp lại, không nên để tân-man ra, thì
bây giờ trong dân-luat cùng nhân đó mà
dính quyen người con cđa được kẹ-thùa
cà ruộng đất của bỏ mẹ, để cho đất-dai
khối phần-lia vun-vạt ra. Kip đến khi
kinh-tế-học lại xướng lên rằng nên han-
chê cải quyen sở-hữu, thì bây giờ trong
dân-luat cùng lại theo mà dính của gia-
tái phải quàn-phân cho cả các con. Như
thế thì ruộng đất lại phân-lia vun-vạt ra
— Lại như khi kinh-tế-học đâu xướng
lên rằng trong việc buôn-ban các nhà
buôn phải được tư-do tranh-cạnh nhau.
thời kinh-luat cũng nhân đó mà dính rằng
nường kẻ phải ở tư mà được phép làm
dể kiêm tiền thêm thì cải công-viec làm
ay phải sắp đặt thế nào cho khởi ngàn-trò
quyen tư-do tranh-cạnh của các nhà
buôn. — Nhưng cũng có khi luật-pháp
để người ta đặt ra phân-dối với cải phép-
tắc tư-nhiên: như cụ lè tử-nhiên thì
người nào cũng có quyen trao đồi các độ
hoa-vát của mình chế ra hoà ở trong
nước hoắc ra ngoài nước theo cải gia
não là cải gia lỡ nhất cho mình; nhưng
pháp-luat lại đất ra các hàng thùn-thường-
chinh làm sa cái cách trao-dồi các hoa-
vát theo lè tử-nhiên.

Vậy thì học kinh-tế phải kiểm cả pháp-
luat, mà học pháp-luat phải kiểm cả kinh-
tế mới được. Có doi-chieu hai dằng như
thế thì mới biết rằng làm luật-pháp mà
chỉ dấy một cái lè công-bình tư-nhiên
cũng chưa đủ, mà làm kinh-tế không
chằm-chuờc với lè công-bình cũng không
xong.

Tổng-luân về cải nhiệm-ý
của Quoc-gia

Nhân bản về sự quan-hé của kinh-tế-
học với luân-lý-học và pháp-luat-học
trong cần phải nên khi-luân may nhờ
về cải nhiệm-ý của Quoc-gia (Etat).
1° Cái nhiệm-ý của Quoc-gia có phản-
trái với quyen tư-do của mỗi người không?


Hội các xã-hội mới thành thị cái quyền tài-chế ấy là thuộc về các dân-sth-th tư-tri nó, như ở nước La-ma ngày xưa là các "tộc-đoàn" (familia, gens), ở nước Nam ta là các "xã-đoàn" (hàng xã). Rồi sau việ giao-tế trong xã-hội mới ngày một rừng ra, và các dân-sth-th nộp lục bản đầu cùng tan dán đi nên quyền tài-chế ấy phải thu về một dân-sth-th vừa to hồn vừa rừng hồn, tức là Quốc-gia (Etat) vậy.

Quốc gia là gì và Quốc-gia có những quyền-chức gi ? — Quốc-gia là một cái cơ-quan chi-huy chung đúng võ-lực và tổ-thuê để bất mỗi người phải giúp vào xã-hội cho được bảo-toàn, cho được phát đạt (1).


Nước Pháp là một Quốc-gia có hoạn-toàn cã các quyền tư-chủ. Đông-dương thì không phải là một quốc-gia, tức là một cái "danh-hieu vẻ dia-du" (expression géographique), gồm những đất "thuộc-dia" (colonies) là Nam-ky, Ai-lao, những đất "bảo-ho" (protection) là Cao-man, Trung-ky, Thượng-lào (Luan-Prabang), một đất "tông-nghiệm bảo-ho" (protection-colonial) là Bắc-ky (lọi "tông-nghiệm bảo-ho" ấy không có dính trong vấn Quốc-công-pháp), một đất "tọ-dia" (territoire à bail) là Quang-châu-loan. Những không phải là cái "danh-hieu vẻ dia-du" ấy không có ngày thành một cái "hiền-thể vẻ chính-tri" (réalité politique), mà xuất-hiện ra hoặc một Quốc-gia liên-hợp cã các xư làm một (Etat fédéral), hoặc một hỏi liên-hợp may Quốc-gia khác nhau (fédération d'Etats), đất dưới chủ-quyen nước Pháp.

(1) * On appelle Etat un organe collectif de commandement imposant à l'aide de la force et de l'impôt la conservation de l'individu à la conservation et au développement de la société.
Hiện nay thì quyền Quốc-gia ở Đông-duong này là thuộc quan Toàn-quyền được gom cả và được thi-hạnh


Quyền hành-chính hỏi đầu cũng thuộc những doàn-theo như như «tộc-doàn».


(Kýさん xét về Quốc-gia thành-lập thể nò và có những phần-sửi gì?)

PH. Q.

---

NAM - ÂM THI VĂN KHÀO BIÊN


ON-NHU tiên-sinh ở về đời Lê, lơi thơ nào cụ cùng hay cá, truyền lại có may bái sau nay:

1

Khi cụ sai tên Cam đi ra tày-hiện hải hoa và lấy các thức đồ-vật, có độc bài rằng:

Cam tôc ra thầm độc hải-duường,
Hài hoa về để kết làm tráng.
Những cảnh mới nhập (2) đúng vin náng
Mây dão còn xanh chờ biết quên,
Vơi lại tày-hiện tìm liên xa,
Rồi sang động-vien lại bình-hương.
Mà về cho chồng dụng thơ-thần,
Kể lại rằng chưa dân kỹ-càng.

Lại có khi cụ ra xem cảnh vươn, thấy những khôm gừng khôm tôi, bị mua gió tối-tấn, cụ có độc máy câu ngữ-agon tư-tuyệt, cảm-khai rằng:

(2) Cung như là một ấy ra.
Lặp-nhẹp vai hàng tổ,  
Lo-thơ mãi lượng khương.  
Về chi tê-во cạnh,  
Thề mà cùng tang-thương.

Hài bài thơ trên này đều là lời ứng-khâu trụ-thiện, đọc chút một hơi không vững-vấp một chữ nào. Bài thất-đơn trên thì cực kỳ bình-dạm; bài ngũ-đơn dưới thì vô-hạn cảm-khai, đều là hay ca.

Cụ lại còn những câu thơ đặt diệu-luyên từng chữ, như là câu vịnh ngự-canh ráng:

Để gọi người nắm天真-cô đây,  
Sướng trùm cánh định tử-canh đi.

Câu nieu-nói:

Đập cố-kinh ra tìm lấy bồng.  
Xếp tàn-y lại để đánh hồi.

Câu vịnh-canh:

Đưa lời kẻ mệnh khuôn gió dep,  
Luôn qua cửa sổ nęp giảng vương.

Cùng giống như câu truyền-tưng ráng:

Giọa dùa tương nắng lung gió thằng,  
Giảng dóm cửa sổ mặt giảng vương.

Đó đều là những câu khắc-hoạch từng chữ, mà ý-tứ lại cao-ky làm.

Cụ lại có bài gì cho tình-thần ráng:

Khác chẳng ra cho nuốt chẳng vào,  
Miếng tình nghề mãi biết làm sao.

Muôn kể một tiếng cho to làm,  
Rằng ơi ai ơi khó lên thì nào!

Bài này kiêm cả hai cách: vừa từ-thiện mà vừa diệu-luyên, lời thơ đủ giọng như thế mới thực là hay.

Tiếc thay lich-sử cụ khảo-cru chưa được rõ, chỉ thấy truyền-rằng bàn Cung-ôan ngày-khúc cùng là của cụ làm ra,


Xem dò thi Băng-quan-công cùng với On-nhhr tiên-sinh đều là bậc tài văn thơ nöm & vế dời cuối Lê, mà cụ On-nhhr lại là bậc có danh tiêng ở trong nghề quốc âm thì-xa, mong rằng các ngày cò xét rõ được lich-sử của cụ thi báo cho.

11

Thơ cũng có thể xem khảo-khi mà neghiem được su-sinh nghiệp về sau. Nguyễn Hưt-Chinh người làng Chân-lộc xứ Nghệ. Khi mới lên 9 tuổi, dên bài-niên ông thấy học, thấy cho một tràng phẩm bảo thơ vịnh bài thơ. Chính ứng-khâu đọc rằng:

Xác không vốn những cây tay người,  
Khôm khéo làm sao đỗ cùng rồi.
Kêu làm lại càng tan tác (1) làm,
Thế nào cùng một tiếng mà thôi.

Thấy người đọc bài thơ, ngạc-nhiên, nói với người ta rằng: "Sự nghiệp thắng bê
nây về sao không biết đầu mà lường được,
nhưng sau này loạn thiên-tả thật là thắng
bê nat!" Đến khi 16 tuổi, dỗ xương-công (2) khoa vấn, 18 tuổi, dỗ tam-trạng
khoa-vô, có tiếng hay văn nóm, tự hiệu là Bằng-linh hậu 聲惺侯, muôn làm sự-
nghiệp như Quách Trữ-Nghi đời nhà Bường, có làm bài phu Quách Lĩnh-công bằng
quốc-âm để tự-tì. Sau Chinh theo làm môn-khách quân Việnlà Hoàng Ngữ-Phúc,
sau lại theo quân Huỳnh là Hoành Đình-Bảo, phi-y-lập chủ Cán. Quân Huỳnh sau đi quân
Tam-phủ giết, chúa Cán bị phế. Chinh khi ấy giữ quân thụy phòng ngũ ở mật bể xú
Nghe, nghĩa tin quân Huỳnh chết, so tài vả đến mình, bèn reverse bè tròn vào Quan-
nam, bày mưu thiết-kế cho anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ. Nam binh-ngo thời Lê
Cảnh-hưng (1786), Chinh xú Huệ dem quân Tây-son ra lấy Bạch-hà, phụ Lê diệt
Trinh.

Nhung Huệ vẫn ghét Chinh gây tài. Khi kế quân về, bò Chinh ở lại, Chinh theo
diap, Huệ cho Chinh ở lại Nghe-an. Khi ấy ngoài Bạch-hà đang Trinh lại nơi lén, vua
Lê Chieu-thống lại điều Chinh ra giúp, phải tan dăng Trinh, được phong-tuộc
Bằng quân-công 聲惺郡公, cắm binh-quyền, giữ quốc-chinh, sự-nghiệp lớn-lạy.
Nguyễn-Huệ nghĩa tin cho gọi về, Chinh thọai-thắc không về, Huệ liên dem quân
rã dương bất được Chinh ở núi Tam-tảng (Bắc-ninh), dieu về phanh thải giết chết.
Đến bây giờ đọc bài thơ vĩnh phao của ông ấy, thì ai cũng cho là thị-sâm.

Thư thường có lời nói nữa nhớ, đâu hết
cầu rôi mà nghĩa văn hãy còn chưa hết,
như bài truyền tung sau này:

ThácLEC rèm chán chốt thấy mà...
Chẳng hay người ngờ có hay đã...
Nét thư rẹn sóng hình như thế,...
Cừng nguyệt quang mây mà người lả...!
Khuôn-kho chứa người & chơn,...
Nê-na xem phải thì con nhà...
Đổ-dàng nhân đi xin thôi hài hay,...
Tình ngàn tình dài chút nữa la!...

Bài này thì rõ tà ra người con gái nhà
sang trọng, sắc đẹp mà lại có nết-na.
Nhưng trong tâm cảm nào cau thơ cũng
chưa nói rõ rõ thời, thục là một cách thơ
mới, mà tự-diệu cũng em-ài.

IV

Xưa có người mới làm đến Lai-mục
huyện, mà tính hay bắc-bắc kiếm-ky, hề
bạn-hừu để thêm, thì dân người nhà nói
thoái-thặc rằng: "Ngài còn người?" Một
hộm cứ đề ngũ ngày có người cởi-hừu tự
phương xa đến hỏi thảm. Người nhà
không cảm dánh thục, báo rằng: "Cuối
còn con người?" Cởi-hừu tự ra về, mà đề lại
câu thơ rằng:

Một buổi ha rồi một buổi ngoài,
Nào còn con chở "viên-phương-lai?"
Ây sống chừng ấy người chứng ấy,
Sang nữa thời người biết mấy đời.

Bài này giảng thơ cũng nhất-kit, mà
nỗi nhẹ mắt-mê, giả cứu đề kiếm-ky ấy
lúc thục giác mà ngôi thấy may câu thơ
này, cùng phải bưng con mất mà ngồi
chao diay !

V

Trong bài thơ có tìm cảm mà phần cảm
cưởng (3-4) có 14 chú, vay thì thích-thức
làm sao cho hết được nghĩa đầu để, thục
là khó. Xưa có người thích câu ngàn-ngứ:
"Bản hằng giàu miếng, mà nuôi thơ kenne",
câu rằng:
Côh nhạt may đang mua bột-bột (2),
Nương-niều mò miếng loa te-tó.
Bồi vi chử dồng 铜 cùng dồng âm với chử dồng 錫, bò một nét số đi là chử ty 司; đối với ba chử thạch 石 là chử lôi 麓, chử đợi cùng chính, mà ý lại kháng-khái, sau người học-trò ấy quả-nhiên cùng lầm nên.

Lại có một người trước làm Lai-ty, sau thằng Kinh-lịch, rồi lại phải giằng làm Lai-ty, có ngậm câu rằng:

Bồi hay về làm nên xảo sỡ, Hài vung xoe ru phải lơn vọng.

Bồi vi chử ty 司 cùng đồng âm với chử ty 石, nghĩa là to, nên mới nói vì truyền vô tổ xe sỡ mà tâ tính-cảnh mình phải giằng làm Lai-ty, ý-từ cùng công-são.

Có ông tử-thọ bốn mươi tuổi ngâm câu:

Nghe nói: “bạt-hoặc” 不惑 chủng long [ray],

Thầy chử “vô-văn” 無聞 dâng hỏi [người].

Hai câu này đúng diễn tử-thợ, thục là đích-dàng, mà mươi tieng long dài với hò thực tài.

Thơ có cách muốn đọc ngược hay đọc xuôi cùng được, gọi là cách hội-văn, như bài vịnh của sau nay:

Thanh thu cảnh chiêm thụ đinh-viễn,
Cực nào người thấy vẻ là nhìn,
Mạnh lốt gió đưa hướng ngược cưa,
Tráo kẻ giảng đại ngược lòng hiền.
Cảnh phó gấm đết hoa cáo thập,
Đòa đại vừng thưa nú đối tròn
Tình khắc nhạc xem nào đối nhân,
Xinh xinh sắc cục dậm-dâi duơn.

Để là lời hội-văn, nếu đọc ngược cả lên thì đối ra những văn sau nay: xinh, tình,}

(1) Thiềm là con cọc, cung thiềm là cung giằng. Người thì đó cùng vi như lên cung giằng để quế.
(2) Công 丁, chinh nghĩa là chử công 公, này mới dùng nghĩa.
(3-4) Luận ngữ có câu: Tự thấp thì bất hoạt 四十而不惑. Lại có câu: Tự thấp như vô văn yên 四十而無聞焉.
cánh, mảnh, thanh, mà nghĩa cùng hay, cầu độc cùng ẻm-ái.

VIII

Xưa có quán Giáo làm trên Thương-du, igt hoc-trò học, nhân vinh bài tục cảnh:
Bọn bể nhà giáo vàng teo-teo,
Quan Giáo án xong lại ngũ khóe.
Một múi vú giả đi sóc-sech,
Hai thằng linh xúc bước leo-kheo.
Khách vao dõi rượu bầu hơi-rich,
Quan tôi pha trà âm mộc-meo.
Bà Giáo xin vẻ buồn-bấn độ,
Bao giờ phụ huyễn lại xin theo.

Bài này nhiều văn ái-ôa, rót ta ra một cảnh dinh quan Giáo cô, vàng ngạt như chưa bà Dann. Câu kết lại ta được chấn-tình của bà Giáo rắt là lý-thú.

IX

Lời thơ han-vân, có khi han vân hiền quá, phi tài câu-tứ không thể hạ nội, như thơ vơi mà han vân gà, thơ chương mà han vân sóng thì hạ sao cho được. Truyện rạng ông Nguyễn Quỳnh (dỗ Công-sinh đời Lê, ta thường gọi là Trang Quỳnh) có đáp lại câu thơ vơi rằng:
Boong boong công đánh tiếng xa xa,
Chăng phải vơi, xin cười một gà.

Câu thơ chương rạng:
Một dân trẻ ngồng rụ xem chương,
Cùng bảo nhau rằng áy « ế ơi nông ».

Đó dau là văn-chương du-hi, nhưng câu-tứ mà hạ được cho tròi vấn, thì cùng là tài.

Truyện rằng ngày xưa có hai người chè rượu say-sua, một người đọc mấy câu đề tả cái chấn-trương say rằng:
Sông ở nhàn-gian đánh chén cay,
Trăm năm ngày thác giựt be đầy.
Diêm-vương phần hỏi rằng ai đó?
... Say !

Người kia nói: Đó mới ta được cái y say mà thôi, chú chửa thức là say lắm », bèn đọc:
Sông ở nhàn-gian đánh chén kẻ,
Trăm năm ngày thác giựt be đầy.
Diêm-vương phần hỏi rằng ai đó?
..... Nhé !

Lại còn bài ngù-ngồn rạng:
Cứ nghiêm mình rằng ngăn,
Ai ngờ cũng đời duôn.
Thế lại còn chê chạch...
..... Luôn !

Đó là lời thơ yêu-hầu, câu sau cùng chỉ có một chú vân mà thôi. Đâu rằng đôi thơ-hoi tực, nhưng cùng lý thù buồn cười.

(Còn nửa)

Dòng-châu Nguyễn Hữu-Tiến

(1-2) hai bài thơ này ở quyển Cố-xãy nguyễn-âm chếp hoài khác.
TRIẾT-HỌC

TRIẾT-HỌC NƯỚC PHÁP (1)

VI


Cái tư-cách ấy cùng tức là một cái đặc-tính của triết-học Pháp tự xem đến này vậy.

Những nơi văn mới là cái hình-thể ở ngoài, nay xét đến cái cơ sở ở trọng thì thấy triết-học Pháp còn có những đặc-tính như sau này:

Trước hết triết-học Pháp bao giờ cũng có quan-hể một cách rất mất-thiệt với các khoa-học thực-nghĩa,


Đó là hai cái đặc-tính, chính nhất của triết-học nước Pháp vậy.


Ph. Q. dich
VĂN-Uyên

THI-VĂN CỦ

Tế Phụ-mã chương-hậu-quận Vư-Tĩnh và Lễ-bô Thương-thư Ngô-tùng-Chu (1)

(Lễ-bô Đảng Đức-Xiêu soạn)

Than rạng:
Bạo thân-từ hết lòng thờ chúa; giảng-nan từng giải dạ trung-thành.
Đặng anh-hùng vi nước quyền-sinh; diễn-bái chẳng sai lòng tiêt-nghia.
Ngọc đầu tan về trùng náo phái; trục đầu chảy tiêt ngày vẫn đế.
Nhỏ hai người xưa:
Thao-lược ấy tát, kinh-luân là chí.
Phủ vắc Hán thủ ngoại giới chêch-lêch; chém gai duôi lũ hung-tần.
Với xe Đường khi thế nước chóng-chênh; câm bút ra tay kinh-tế.
Mọi nghĩa sánh duyên gác tia; buồn gian-truân từng cây da khuôn-phủ.
Mản kinh giúp sức cung xanh; công mong-duường đã dánh lòng uỷ-ky. (2)
Hậu-quận thủ tra qua quyền tự-trư; chư án-uỷ nhơn nhờ đều phu.
Lễ-bô phén làm việc Chinh-khanh; bè trung-ái som khuya chẳng tre.
Người cói vượt nạnh ra sức; chi tiêmiscu (3) danh giải xuống ba quân.
Trong thành vững dâ chia lo; bè ưu-quốc đã thâu lên chin bê.

Miễn biền-khoan đối năm chúa src giặc; vươn lòng tôi bao quân thể là nguy.
Cố Phụ-xuẩn một trận thất uy giờ; nâng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.
Sửa mủ áo lạy về bác-khuyết; ngôn quang-minh hun mắt tam trung-can.
Chi non sòng già với cố-thánh; chén tân-khô nạp ngôn mủi chinh-khi.
Hà rằng ngại một phen thi-thạch; giải trùng-vi mà theo tôi quân-vương.
Bồi vi thương muốn mang ti-hru; thừa nhất-từ để cho toàn tương-sê.
Tiếng hiệu-linh mơ-măng trước giòi; ân-tín xưa. người bộ-khúc thương-tâm.
Bóng tình-trường thật-thoảng dưới đen, phong-nghi cù, kẻ liêu-bằng sáy-lê.
Cor đăng-dinh kip chảy đánh hẹn bửi; xót tương-doanh sao vàng mất thân-huang.
Phần truy-tụy gang tả cùng đến cong; tiếc nhưng-mạc bộ thiệt tay trung-tri.
Nay gap tiêt thu, bày tuan ưỡn-tế.
Hai chú cường-thường nghĩa nặng; rõ còn-hoa cùng thơa chơn u-minh.
Nghìn thu hà-hà-nhắc khi thiêng; sắp mao-viet để mở nên bình-tri.

Thương-hương.

Dồng-châu sao luc

(1) Hai ông phục mệnh thân từ giã thành Bình-dình, quân Tây-sơn vào vây hơn một năm giờ. Bên cạnh Tấn-duyên (1801) hết cả trụn-thục, không thể chống giữ được nữa; ông Chu uông thư thuộc độc chết; ông Tĩnh thị tự-phàn tự-tiết ở lâu Bái-giac; để cho đức Thế-thể đem quân ra th unh-phugey được thành Phù-xuẩn.
(2) Cung xanh là cung Thái-từ ở. Mông-duường là day từ thừa còn nhở; là nói ông Tùng-Chu có day đất Bống-cùng Gánh học.
(3) Chi giàt giêc.
Bạch văn thi-táp

Tập thơ này của cụ Nguyễn tiến-sinh Bính-Khiêm, người làng Trang-am, huyện Vĩnh-lai, tỉnh Hải-duong.

Cụ thi đỗ Trang-ñguồn năm Đại-chinh thứ 6 đời nhà Mac, làm quan Tâ-thi-lang, Đông-các học-sĩ, phong Trình quốc-công, hồi vây người ta thường gọi là cụ Trang Trinh.


DONG-CHAU

* *

I
Lần-lủa ngày qua thang qua,
Một phen xuân tới một phen gia.
Ai ưu vàng-vạc giằng in nước,
Danh lời lung-lung gió thôi hoa.
An sánh hay còn an$search cụ,
Nước non bẩn với nước non nhà.

II
Giâu chenh-chênh, khó lo-fi-thoái;
Văn chuyển lrun thòng hà của ai.
Vàng no ghê khi làm bài câu,
Chơi kia có thứ lợt hồn thai.
Khôn-ngoan mới biết thẳng thời giằng, 
Dài dót nào hay tieu có dài.(1)
Đả khâu bất nhiều thời lại tui, 
Đạo giới lòng-long chẳng he saí.

(1) Đài là đại, nghĩa là khi nhỏ cùng có khi ihn.
Tháng mạng đã qua ngày đã rõi,
Hay yên thư phân mới nên vui,
Bông hoa lay động am chử-phất,
Măng chúc còn tươi biết mới soi,
Hỏi dâm công-danh nhiêu thơ chi,
Thư-nhan son đã mơ hay núi,
Lắm người chở dày tài mà cậy,
Có nhiều bao nhiêu lại có dời (?)

(Những bài thơ này nhịm cỏ, chưng khởi sao ở một tọp nóm cã ra, nhiều câu chưa dám chúc rạng dâng, song cùng cục dâng đế lưu lại một áng văn-chương cã của nuộc nhà,
Các chữ nghi xin dè chất-văn chư bắc-nhà-quan-trừ)

DICH ĐƯƠNG-THI (1)

XXII

石墟頭
Thạch-thành đầu

山圍故國周遭在
Núi rêu vây lấy một thành,
湖打空城寂寞同

Ảnh tiếc sông quanh mái ngoài

Am-ảm tiếng sông kể quanh mái ngoài

淮水東邊舊星辰

Giằng giông bông sông Hoài,

夜深還過女橋來

Dêm đêm đào cánh dối vài trường cánh.

鳥衣卷
Ước hàng

朱雀橋頭野草花
Bên cầu phô mặc cỏ hoa,

鳥衣卷口夕陽斜

Lời vào chỉ thấy bông tà rang soi.

舊辰王謝堂前燕

Nhà vàng yên vẫn dưa thoái,

飛八尋常百姓家

Mà nay am có loí-thoái máy hàng.

(1) xem Nam-phong, số 13, trang 3.
Hát nói

I

Thật-tích

Chẳng biết lý ai đẻ biết chủ tỉnh, (1)
hoặc thưa đọc đạo ngẩn khỏi mãi đầm? Ngao-ngẩn nhé! Rê bàng văng, 
thêu chủ gấm. Ngậm-ngủi thay! Trềnh bóng quê, chếch đường thu, nhơn-

xuyên tráng-doan vi Khienes-ngươn, ngắm

trành thằng nhôm sợi, mưới hai thằng mới

dêm nay là Thất-tích; cung nguyệt gắc

dâu noi chếch-chech, lũ hông-nhan còn

ngất-ngheên trên lâu, giọt lay-thay trên

mưa ngâu.

II

Giải-câu-nan

Tài-tư với giải-nhan là nợ sần, giải
câu-nan là chủ làm sao? Trái xưa nay

chứng đà xệt bão, kin than-hợp nhớ

lưu đêu đâm chắc. Giải-nhan khác hô

hạnh hạnh sắc, Tài-tư chien chieu nó

một tính. 俦人去去行行色。才子朝朝暮暮情。Uy kia đêu! Như

mây tùng, như nước chảy, như gió mát, như

giang thanh, lo-lêng kheo tròng người

chi mãi mãi? Giời đất có xan dí ma

xe lai, hồi trưởng-phúng còn làm lúc

về sau, yêu nhau xin nhớ nhờ nhau (2),

(nâm chảy củng chẳng gì đêu mà chảy, 

chến dưa nhờ bự hôm nay.)

III

Kiếp nhân-sinh

Nhân-sinh như kỳ nỗi, dặc-y tu lần

hoan; 人生如寄耳。得意须尽欢。hư rú mả, hưu thụyển, hưu thuy, hưu

san, tiêu bình-chiêc da-dua tronghưu di. 

有馬有船, 有水有山。也兼著夜遊

良有以。Đành vô-trư ấy ngôi-nhan

phân-su, cùng tiêu-giao cho lục nguyệt

thêm tư lòng. Văn xưởng-xưởng hè thuy

xương-xương, 云苍苍兮水泱泱。phong


(1) Câu này dùng điều bằng, nhưng cùng it khi đặt như thế. thường khi dùng văn trực là phụnh nhieu.
(2) Bài hát nội đên dạy là hát. Có khi đọc thêm hai câu sau này nữa, dâu-xương goi là hát noi.
quang ấy người sao nên phụ. Như
ở dồi cộng-thành danh-toái hau, nhất
đời lão-cốt đế lạng-tằng. Ở待功成名
遂後一堆老骨已崚嶒。Thể thời
son chi nam, son chi bắc, chi Tung,
Hằng, chac đầu chuyền phù-bình tân
tu. Lũng bâu ruộ say cờ kim kim cỏ,
ôm từ thơ phạ hoa nguyệt nguyệt
hoa; khi có vậy, khi bái lá, khi tiêú
ngao, khi cấm ca, nhân phong-vị hào
hoa làm lạc-thu. Chỉ Lớ Tấn ngâm
cùng tháo-thu, cuộc tình say say tình
ai hay. Thù xem còn tạo saú này!

IV

Liệt-nứ (1)

Chỉu Lê-quí có năng tiết-liệt, hai
muối thu chẳng bản thú tay. Đem tân
dung gương chơn an-mây, đạo thân
từ, tính trong phu phụ. Vạn cờ di-luân
chiêu vư-tru, nhất soang trung nghĩa
dặp quan Vương; Trà Ngữ Bưu 袁yat
一胜忠義答君王。hai vui một gánh
crong-thiường, chèn tần-khõ hấp ngon
mùi chinh-khi. Bà nên đang trung-thần
bất nhị (2) 忠臣不二, lại nên tai liệt-
nữ bất canh (3) 烈女不更, rộ-rạng hai
chữ Trung Trình!

V

Hán-Tin

So tam-kíet ai bàng người Hán-Tin,
một tay thu muốn đám nước non ;

những ngõ ràng khoảnh thiết như son,
Thái-son như lê, Hoàng-ha như dài. (4)

泰山如砥。黃河如帶。Hắp lajo ngư-
hô song Pham-Lài, kHzuc gia làm
kiệt độc Trương-Lương. (5) 雅早五湖
雙范義。却教三傑獨張良。Dầu-dơn
thay diễu-tân cung-tảng, (6) dâm Văn-
mông (7) phát mạc mưu con trê. Nêu
biết chủ : khả hành khả chí (8),可行
可止。thời Ngữ-hô một lá cho xong,
lấm chi lủng-tường trong vòng?

VI

Thề-sư

Thề-sư thằng trăm quân mac vần,
yên-ba thậm-xứ hữu ngư-châu (9); 世
事升沈君莫問。烟波深處有漁舟。
vạt tay năm nghị thủy yên đầu, đём
mờ-sư đối với chán-thánh thì cùng hết.

Duy giang thuong chi thanh-phong, đé
son giian chi mình-nguyệt (10); 唯江上
之清風。與山間之明月。ko giong
chung mà vô-tân của mình riêng.

Cuộc vương trọn phó mà không thiên,
mạc thành-thí mắc ai lâm-tâu (11). Gồ
dip lây độc câu " Truong-tien-lưu":
將進酒。Quan bất kiến Hoàng-ha chi
thụy thiên-thượng lâm (12), 士不見黃
河之水天上來。lấm chi cho mét mới
doi!

(Con nửa)

DONG-CHUA SAO Luc

(2) Là người bay tới trung khong hai lòng.
(3) Là người liệt-nứ không trái qua hai đổi chang.
(5) Sau chân vọ ở an như ông Pham-Lài di thuyen choi năm ho. Trong ba kẽ kíet thể Hán, chi có Trương Lương là khoan, còn Truền-Ha, Hán-Tin đều bị tới cạ.
(6) Khi bất hể chim rơi thì xếp cung lại.
(7) Hân Cao-tô giả cách ra choi dân Ván-mông dơ bất Hán-Tin.
(8) Lực nên làm, lực nên thôi.
(9) Việc đổi chim nơi chẳng hỏi làm chỉ, chỉ boi chiec thuyen câu đi dao chơn chơn khởi nước.
(10) Chỉ có gió mat ở núi, giang trong ở sông, là thụ vai chung.
(11) Là riêng rằng.
(12) Lục sip đăng ruou thi độc bài phụ "Truong-tien-lưu" có câu --- Nghĩa là chẳng chẳng xem như nước song Hoàng-ha kia chây từ trên giới xuống. rồi cùng chửi cả vao bể, nghĩa lòng là người ta ai cùng phải chêt.
Bài văn-tể sông

Bài này nguyên của một câu học-trò ở Quảng-bình soan ra, nghe nói câu là người có tiếng hay chưa một thời, trước đã cùng với một có kia dân-dụ, mà có ấy cũng là người có tiếng lịch-sử biết ấy. Hai đường đã sắp dere cùng nhau xe to kết việc, sau cha me có kia gán cho một người khác, làm cho câu nhất-vọng, thường tức cho thân có bị duyên nái phần ép cùng chẳng khác gì biết-hạc li-loan vậy. Ngày bữa hôm bà bèn kia quảng đầu, thì nên ngày dâi bán tế sông, có dù cả các phảm-nghi – gân xa nghe đơn đến xem đồng lảm, câu từ làm láy văn, từ đó láy, nhưng câu thảm-thất khiên cho làm người phải rôi cháu.


Người sao-lúc.

Nhớ nằng xưa:


Bồng-chọc quên nơi quên-qui, không nghĩ đã so với ná (?) chắc nhưng nơi trường gấm mạn thư, vòng đạo sáo vẻ, thấy vang son mà xui đa mở mạng; ương công chở-dợi may lâu, quán chỉ đa can như đầu, cùng có khi dưới nguyệt bền hoa, trên Bọc trong đầu, dem sạt đa kết-duyen lòng hương lửa.

Những trường ông To danh-dáp dọ, bác bỗ-kính mà lừa chồn tràm-anh;

(1) Những chỗ có đánh dấu hỏi là nghi, không biết có phải thể không. Các nhà đọc bài ai biết xin sửa lại cho.
nào hay con Tảo ghét-ghen chi. xui, thành-thị xò vào miền biên-dân. Giai-tế hinh-dung coi cung là, tê ré tre, da đông dieu, trường chung trong một nước được may người; bàn-lang tuốitá có bao nhiêu, hot cấu reng, quả mướp xo, nghị ngoại bon tuấn them lé nữa.

Duyên-phân ngắn cho duyên-phân, trăm cái trong đất,用人单位 tra株 bay lâu nay; chừng con sao nhẹ chung, còn nói quá may, tránh hinh-dang them chieve buôn-bá.

Đành bền nước mướt hai là phán, trong gia-dạo không ai cói-sóc, sao có không kiếm noi ngàn cảnh, nó để mẹ thấy tuổi-tác, lấy ai khi mua đất nặng lúa, gió kép sóng don; rằng quá mai ba bay phải lo, trong thơn-trang có kẻ yêu-vi, sao có chẳng nghĩ ngày-con, nó dem thân-phân liêu-ho, trao vào noi nước biến-reu xanh, cât vịu sông vả.

Hay có utiliz mui đôi mần Nhật, quên nơi lòng bại nuôi nước ngọt, thù sinh-nhai ngày thẳng dủ no; hay có muốn dò lòng thể cần sau, nên hâm nơi thuận rộng cháo dai, cần thich-chi söm khuyla nghieng ngửa.

Hay là bồi mẹ thấy lâm-khuất, quen những thói mọt tóm cá, qua lại của làm ngong miệng, ép uống duyên có nồng-nơi thế, nâng tiền-tài mà nhẹ gánh chung-tinh; hay là át mòi lài deo bống (khuyết một câu),... nói phó mất rốt dây tai, già nhơn-sử phải non quyen tao-hoa.

Nải mai ép liều, con-có vi dâu, phụ mạn em chanh (?) ai xui làm tài! Mồi xích-thằng uóc một trăm năm lẻ, phải một ngày mờ, mà không nghĩ thiết hon; tiệt thanh-xuân chung hai mưới bổ tuơi trón, đã đến nơi chỉ, mà xui mình dầy-dao.

Hỏi ơi! Hồng ngàng chết vợ, liêu u đào phai, mình uc ngoại ngày vây, hoa tan nhiên rá.
Hôm nọ nhân ngày rảnh, tôi đi dạo choi, thưa-hùng强悍 đến thắm ban. Chờ anh ta ở, nơi cửa ngôi, thời tung trục sum-sê, một mâu xanh ngắt. Khi tôi đến, có nằm ba dựa trẻ-con, xum vây hoa rỗi, quàng len trái giạ làm chuẩn-chuẩn bay đi di bay lại. Vừa thấy khách đến, biết là người quen, liên đùng lại một bến, để nhường khách vô, rồi lạt-dắt chạy bảo chủ-nhà biết.

Cái vươn của người bạn tôi độ tuy không lớn mà ấy ở trong có làm cảnh xinh: Nào đỉnh, náo ta, náo hoa, náo ao; dưới góc cây cao, sổ đã làm non, trên non lại có một đôi con gà trông dạng vậy; trong hồ nước biếc, bông sen đua nở, dưới sen lại có vị lợi tưởng bay. Vợ của tôi lại đi quan di quen nơi tôi đến sân nhà. Giữa sân lại càng làm thú là nữa: Tuy giữa mửa hạ, mà bông hoa trắng thục, donn gió hoe cười, muốn tía ngàn hồng, thom bay ngàn dăm; chim-chlic nhiều thâu lòng-là lá đường, vẫn-vít bên người, liu-lo nhiều tiếng.

Vừa đâu, bạn tôi ra sân trước, nằm tay cười mà nói rằng:
— Đâu lâu ngày không thấy, lè cũng but-rút làm chẳng?

— Máy lâu nay, nâng hết nam nỡ, không dành được một trò sân nào cả, thiệt bực quá. Nay gặp bạn lành, mà tiếc không có thit rừng đái khách.
Rồi ngéparation một lát, lại nói rằng:
— Ta đón đó lấy thit nhà nội, cũng được chẳng?

Lần kiểm trước biếu khách gà vét về. Một dựa trẻ-con chạy ra, tay cầm cái mô nhỏ-nhó, đánh it tieng, thời gà-vit về cả bay, vai gao cho ăn. Thấy gà chỉ có vai con, mà vét thời hơm hai chắc. Nghe chủ-nhon biểu bất một con gà làm thit ương rượu. Tôi lấy làm la, mới hỏi rằng:
— Ví thời nhiều, sao không ăn, gà đã ít, sao không để nuôi, mà lại ăn đi?

Chủ-nhon đáp rằng:
— Tôi nuôi gà vét, để khi lỡ mà dùng, nguyên trước sê có sô vét bằng nhu. Gà thời đâu đời mỏi, mình mạc ao bông, chua mang quom, ra đáng trưởng-phu thiet, nhưng mòi tôi khi gặp ấy, thời giảnh miệng ăn mà cần mỏi nhu. Côi ẩn to như trái; chẳng kể chi động-łożai. Chó như vét thời không thể, ngày ngày tâm lôi hồ sen, giũ mình sạch-sê ; khi di thời một con di trước, cả bây theo sau ; khi ẩn thời con này nhưng con kia, tôi đều tới, lui đều lui với nhu, không có cái thời xâu giánh nhu cần nhu như gà vậy. Ảy cho nên hệ gặp khi lỡ-làng thời tôi làm gà mà không nó làm vét là với vét có «doàn-thè ».....

SÔNG-CỤ.

Ghi lồi chi Nguyệt
(Giác mộng đếm he)

Một đêm tháng sâu, bốn bên hàng xóm, người lồng ngủ yên, trên con nim thit, tieng chó can đư, tieng gà gay thura, đưa di-di đuổi dắt, đẻ ti-ti trong vươn, gió im giăng sáng sân ngoại, cánh gió tiêu-mịch khiến người văn-vo.

Quái-la cho ông Hòa-công, sao đã bày ra cuốc thể, đa sinh ra người ta, mà chỉ có những cảnh buồn-râu, những nơi u-uất, con người ta không ai là thetao khi đó trữ thit như thương, như sau, như lo, như nghị, như nhỏ, như mong, như cảm, như giất, như dau-dan, như ú-c; dâu cho truc say đầy thang tran cười suốt...
nay có kim có ai là thục sống. Nay thiệt ngày, mây vẫn năm nay bao phen vinh
nhúc, thôi những chẳng cứ xem như
thiếp một đêm hồn bay, từ chập tối
cho đến sáng thôi dự biết. Chao ôi!
Thiếp chẳng qua thường người ha-giói
phải bị trong vòng hắc-âm, mà quyết
cảm được quang-minh thay ngọn đên
giở, dè cho sòng nủi sáng, cho cay có
mưng, cho người có thù. Long ngày
quâng-dài biết là bao? Thề mà! Tự
lúc mọc cho đến lúc lần, trái dâm mây
dên che, lại dâm mây vănláp, che
dè lấp lập biết mây mủn hồi! Ağ đây!
chương mâm xâm bao giờ chẳng thế
cái việc càng to thôi nhiều diệu trác-trò,
cái danh càng lớn thôi làm kẻ chục-xoánhoa, nhưng ta cứ hết bồn-phán ta, sao cho lúc thân-tiện hình-tàn còn tiếc
lại ở đời là thế, có ngại chi hiềm-trò
gian-nam. Nếu ai cùng muốn trong thây
gây cái kết-quá của việc mình làm,
neu ai cùng làm chi nền ấy, không có
bi trước khổ-khăn, không phải người
dời ánh-ôi, thôi thế-gian làm gì có
người cao-thường, kẽ đặc-hen, người
quan-tử, kẻ tiêu-nhan, mà trong tân
tuong tran-giói có gì là đoạn thương.
nơi thầm, giong hát, nơiơi than, cần
củi, tiếng nói. Ôi! đâu sao cùng dâ
dôi, theo gió mà già nò đi cho xong,
mai sau cái danh kia cùng ta cũng lỡ,
thôi là đời ta đái mãi cùng nhau, chịu
chẳng hết hận thôi vế, thiếp nghin
năm còn lại, yêu nhau không có duyên
gi cùng nhau hay sao? Thôi hay kính
tiền chẳng vế.

Giác hờ tình đây, bưng mở mạt ra,
giảng dâ gác nui, chẳng dâ tan canh,
tiếng quốc ngoài động, tiếng vong trong
bui, tiếng chim hót suơn non, tiếng
trâu cày ngoại nổi, cron chen ngược,
lâm cài nhau, vói vào thu-viên, mơn ngoại
bút sạt, gì lôi người tiến. Mong cho
người được vơn nguyễn, những thứ
gợi chút làm duyên chỉ Hằng.
Bạch son di-văn (1)
(của ông Khương-Khuê soan)

Ông Khương-Khuê người đời Nam bắc-triều, nhân thấy người đời ấy tên là Chu-Nưng, trước án núi Chung-nam, sau lại ưng-chiều ra làm quan, mận-le về Kinh, lại qua núi ấy, cho nên ông ấy giáo lầm nơi thần núi, làm bài thơ này, để tu-bảo có, cagy, đâ, suối, cậm Nưng không được đem nữa. Dài-ý trong bài này, là chỉ trách Nưng giáo cach ăn, để kiêm lối ra làm quan vây.

勒駟草錦
移煙堂山
山驥之之
庭。路。靈。英。

Nuí Chung-son thân-oai hàc-hách,
Chọn thảo-đường linh-phách đường-
[đường.]

Thét máy giong-rũi len đường,
Truyện vàn bả-cáo một phương núi
[kiể:]

矣。直方之之之
上。潔。想。艦。以
吾千度溯耿
方青白酒介
知雲雪出抜
之而以塵俗

Kia! như kẻ liêm ngày khác tức,
Tâm lòng riêng căn-dục cũng thanh.
In tuyết trưng, sắc máy xanh,
Bắc máy thiết bắc cao-danh kiêm đòi.

有歌吹乘金駝若
焉。於於其面駝其
延洛如不霞亭
瀨。浦。脱。昐。外。亭
固植閣履芥物
亦薪鳯萬千表。

Lại như đặc tình người cao-thường,
Trạng phau-phau trua đằng bên giới.

Nghìn văn có chẳng thêm coi,
Muôn xe dép nhất rứt rói như không.

Thối hồ phuong-trên dòng Lạc-phở,
Hát thái-tiều bên sọ Duyên-tân.

Cùng người ăn-dắt cao-nhanh,
Đã hay thế-giời có phần một hai.

哉。真奐悲。黃豊
而途慚反其
後以朱覆。終
豔。心公涕始
何染。之翟參
其或哭。子差。

認先乍之蒼。

Hạ lại giống như ai phần-chặc,
Trước cùng sau đói sắc xanh vắng?
Mặt hoe gã Mạc thây Dương,
Thấy to xüst xựp dường thơ-than. 2)
Tâm lánh đau lòng còn võng tửc,
Tiết kiến-trình dâ nhuóc-nho dâ.

Góm cho những mất khi-nhan, 3)
Nỗ nào nguy-ăn câu-văn với đói. 4)

[1] (Di) nghĩa là tu-bảo.
[2] Ông Mac-trích thây to trang mà khóe, vì nhưng den cùng được, nhưng vắng cùng được; ông Dương-Chu thây đường đề mà khóe, vì di nam cùng được, đê bậc cùng được, nói vi tri không như-đul.
Tư gã Thường xa chơi đầu học.
Cừng Trong-sinh đã bước đương tiền.
Than ôi! vang-ve ngheh niên,
Áy ai thương-thúc tôi miên son-a?

亦 既 隽 世
玄 文 俗 有
亦 既 之 周
史。博。士。子。

Đời bồng có một nhà Chu-thị,
Tiếng một tay toàn-sǐ trong tranh.
Cừng tài cùng bậc văn vần,
Cừng huyền cùng sứ Từ-văn Từ-[Trương. (1)

好 江 雲 誘 草 腹 然
衙。泉。堅。我堂。隱。面
乃 雖 松 濃 南 學
攏 桂 桂。巾。郭。通
情 名 小 北 竄 東
於於我岳。吹。魯。

Mà tron lánh học trùng Đông-Lở, (2)
Lại an mình dua cù Nam-A. (3)

Thão-duờng tron lối vào ra.
Giá mau khán sêo lân-la son-thủy. (4)
Khéo khuyên dỗ tông kia quế não,
Cố loc-lira nước thọ non thanh.

Đâu ngoại muốn thú bến vănnh,
Mà tron chung nhung rinh trọc cao.

比。玄。是 风 拉 其
涓 玄 遊。幽 情 许 始
子 於 读 人 张 由。至
不 道 空 长 日。傲 也。

 Preis. 空 往。霜 百 将
務 於 或 氣 世。欲
光 释 恐 横 茂 排
何 部。王 秋。王 與
足 猝 子 或 侯。父。

Triróc toan gat cù Sāo cù Hūa,
Ngāo cõ-nhán miểt cãi vuông-hâu.
Gió tinh át bông giới cao,
Sương hơi lòng-lạy tiêt thu hài-hùng;
Khi than-tắc son-ông vang tả,
Lực phán-nạn vuông-tự đầu xa.
Không không bản nghêa Phát-gia,
Huyền huyền tra-ciru nhể nhà Bảo-lun,
Coi ông Vư đã đầu đủ do?
Truong thấy Quyền cùng khó bậy vai,

神 魂 赴 八 及
動。散。隨。谷。其
志 形 鹤 鸣
變 駄 書 驥

Nào ngo ngư huêc tôi noi,
Hồn-xiên phách-tân chi đoi thân-kính.

而 衣。裳 绮 席 瑟
走 抗 面 上。次。乃。
俗 廢 裂 萧 杷
狀。容 荷 茑 聋 觅

Bây gió mất nghênh-nghênh tróc ghe,
Ảo phát vưng trên phia chiều ngợi,
Ảo sen quàn lá xế toí, (5)
Vạc may mất tuc thô hoi giông tranh.

木 而 下 情。風
而 有 情。泉 雲
如 失。望 石 悒
喪。顧 林 咏 其
草 椅 而 带

Mây cùng gió tăn-ngăn nội gián,
Đá cùng khe bầu-nhan sinh-sâu.

Nuí non coi dăng râu-râu,
Cô cây e-ゅ kem mâu nọ-nang.
Khe của dòng tả-toi xộ-xắc,
Nào có ai rạo bước quanh về!
Tiêu-điều lối đã đường đi,
Dừng chân mới có thấy chị hồng người.

Về-vang danh-gia trong vùng Triết-giang.
Vờ đạo-trất để hoang chi mò,
Chôn pháp-trườn nhạc bò đều phong
Heo, roi, hò-hét bẩn lòng,
Tử bôi rón-rrip long-dong cảnh Minh.

Cả cảm-khúc cao-thanh vạng-ngất,
Phũ tươi-boi hào-dạt còn đâu?
Việc quan riu-rit chư-mâu,
Chấp-don xử kiến trước sau vôi-vàng.
Chiếp söt Triệu, Trương hữu trươc
Đính để dâu Lở, Trác dố xura.
Theo chân Tam-phû hào-gia,
Mò đường danh-dư khắp hóa chín châu.

Để chúng tô đạng cao giằng sáng,
Luồng bô-cô nhấp-nhôang một mình.
Ngần-ngờ mà trăng tung xanh,
Bo-vô còn biết chưng-tĩnh với ai?

Văn Ưyển

(1) Ca cảm-khúc, cau ông Ðông-Tư. (2) Phủ-trùu, cau ông Tâu-Dương. (3, 4) Triệu Quang-Hân, Trương-Xương.

Ngao-ngân nói thâm-lâm cùng-gian,
Bể-bằng thềm hò-thên vô-cùng.
La tụi nguyệt, quẻ e phong,
Non Tây đạt giây mùi Ðông cáo-tư.
Mấn đã phải khép cho kin-mit,
Cánh máy nên khóa ghép kỳ-cảng.
Đầu gìn máy bắc xuống vàng, (3)
Ngăn xe cửa dòng giằng cương dưới [ghênh,

Điển thị dâu hoặc dôi, Nhật... 

Bồng-dương thấy có cánh lốn mắt
Cuml hoa thơm trái mất xanh máy.
Chạy canh chỏang gay xe tay,
Chơi hoa quyết sách đường máy lâu-lâu.
Xin gã tục bước đầu cho khỏi,
Chở văn-vơ len-lợi nữa nào.
Thời thôi! chẳng hỏi chẳng chào,
Vi ông ta-khách bỏ-dào một câu.

ĐAM-XUYN

**DỊCH PHÁP-VĂN**

**L'Océan**

Il n'y a peut-être rien qui offre à l'œil et à la pensée une représentation plus complète et plus attristante du monde que l'océan. C'est d'abord l'image de la force dans ce qu'elle a de plus farouche et de plus indompté : c'est un déploiement, un luxe de puissance dont rien autre chose ne peut donner l'idée : et cela vit, s'agite, se tourmente éternellement sans but. On dirait parfois que la mer est animée, qu'elle palpite et res-

**Bề lớn**

pire, que c'est un cœur immense
dont on voit le soulèvement puis-
sant et tumultueux ; mais ce qui
en elle désespère, c'est que tout
cet effort, toute cette vie ardente
est dépensée en pure perte ; ce
cœur de la terre bat sans espoir ;
de tout ce heurt, de tout ce trépi-
gnement des vagues, il sort un
peu d'écumée égrenée par le vent.

Je me rappelle qu'un jour, assis
sur le sable, je regardais venir
vers moi la foule mouvante
des vagues : elles arrivaient sans
interruption du fond de la mer,
mugissantes et blanches, par-des-
sus celle qui murait à mes pieds.
J'en apercevais une autre, et plus
loin derrière celle-là, une autre,
plus loin encore une multitude :
enfin aussi loin que ma vue pou-
vait s'étendre, je voyais tout l'ho-
rizon se dresser et se mouvoir
vers moi ; il y avait là un réservoire
de forces infini inépuisable ; com-
me je sentais bien l'impuissance
de l'homme à arrêter l'effort de
tout cet océan en marche ! Une
digue pouvait briser un de ces
flots, elle en pouvait briser des
centaines et des milliers : mais qui
aurait le dernier mot, si ce n'est
l'immense et l'infatigable océan ?
Et je croyais voir dans cette ma-
rière montante l'image de la nature
entière assaillant l'humanité qui
veut en vain diriger sa marche,
'endiguer, la dompter.
L'homme
lutte avec courage, il multiplie ses
efforts, par moments il se croit
vainqueur ; c'est qu'il ne regarde
pas assez loin et qu'il ne voit pas
venir du fond de l'horizon les
grandes vagues qui tout ou tard
doivent détruire son œuvre et
eremporter lui-même. Dans cet
univers où les mondes ondulent
comme les flots de la mer, ne
sommes-nous pas entourés, assaisonnés sans cesse par la multitude des êtres? La vie tourbillonne autour de nous, nous enveloppe, nous submerge : nous parlons d'immortalité, d'éternité ; mais il n'y a d'éternel que ce qui est inépuisable, ce qui est assez aveugle et assez riche pour donner toujours sans mesure. Celui-là fait connaissance avec la mort qui apprend pour la première fois que ses forces ont une limite, qui se sent le besoin de se reposer, qui laisse tomber ses bras après le travail. La nature seule est assez infatigable pour être éternelle.

On a répété souvent que « rien n'est en vain ». Cela est vrai dans le détail. Un grain de blé est fait pour produire d'autres grains de blé. Nous ne concevons pas un champ qui ne serait pas fécond. Mais la nature en son ensemble n'est pas forcée d'être féconde : elle est le grand équilibre entre la vie et la mort. Peut-être sa plus haute poésie vient-elle de sa surperbe stérilité. Un champ de blé ne vaut pas l'Océan. L'Océan, lui, ne travaille pas, ne produit pas, il s'agit de ne produire pas la vie, il la contient ; ou plutôt il la donne et la retire avec la même indifférence : il est le grand roulis éternel qui berce les êtres. Quand on regarde dans ses profondeurs, on y voit le fourmillement de la vie : il n'est pas une de ses gouttes d'eau qui n'ait ses habitants et tous se sont la guerre les uns aux autres, se poursuivent, s'évadent, se dévorent : qu'importe au tout, qu'importe au profond océan ces peuples que promènent au hasard ses flots amers ! Lui-même nous donne le spectacle d'une guerre, d'une lutte sans trêve : ses lames qui se brisent et dont la plus forte recouvre et entraîne la plus faible, nous représentent en rac-


THUỶ-CHI.

trong toàn quốc. Sự nghiệp trước nhưng đây mưới làm nám, đến nám 33 tuổi tiên sinh mất, mà đã soạn được hơn nửa phò sách, thế lô hết cải tình hoa một bạc "thiêịn-nên hiẹn triêt" trong thế gió đi nái hay. Các sách của tiên sinh toàn thất một giọng như bài văn dịch này, hương hỏi mà yêu nghĩa, tham thiet mà trươc minh, tự trọng rồng đến bao làm được cả vụ tru, văn chương sau đến dien xuất được cả cảnh vật; phải độc o nguyên văn mới biết hết cải chí thị, dien ra nhiều nơ mở mi phán khác không được một.


Như bài trên kia là một doan trich trong một quyén sách ra, chỗ không phải còn là một bài văn như thế, vi ngưới Âu -châu, trử -phi các bài nhật báo, bài tap-chi, không có làm những mành văn còn như thể bao giờ. Gâyu tiên -sinh chủ xet về cải đa xú -thể, muôn tim xem ngưới ta ở đối phải lại cải đi làm phép -tắc trong đương ân ơ. Nhân bình -phản về các học -thuyết trước: có cải nói ràng tạo -vật vô lớn, nhưng thể thi cụ theo nhẹ vài làm phép
tắc, có cái nỗi rằng tảo-vật von ac,
như thế thì cười nên trái tảo-vật mà làm. 
Nhuong xét cho kỳ ra thì tảo-vật von 
vo-thình, không thiên mà củng không ac, 
người ta muốn đi ngược hay muốn đi 
xoải, muốn làm ngang hay muốn làm 
ngước, có thể chi cho cái khôi xanh xanh 
kia tự có-kim vẫn y-nhiên như vậy. 
Cho nên cái giác luận lý là ở lòng 
người mà thôi, chỗ đem những công 
viec con con của người đối mặt đã sánh 
voi cái thể lớn của giới đất, mọi-trọng 
rằng nhất-cứ nhất-dòng của mình có 
anh-hướng đến cái ví-trú menh-mông 
kia, thiết là con quặng làm thay! Đã xét 
den cùng-lý thoi không còn luận lý nữa. 
Kiia như cái bề lơn kia, thiết là một cái 
kho sức mạnh vó-cong vó-tần tự thiêng 
van-đön con von sông dàn dên nhử 
thể, van bất ngất menh-mông như thể, 
trong cái sức lực ấy dùng được việc 
gi chẳng, ai ngồi thui là "nương-nhiên 
vò-dung" vậy. Trong cảnh-tướng ấy, 
ngậm thanh-nфан nay, mới biết người 
ta vò-lục là như nương vào, chẳng qua là 
một may vi-trần trong giới đất, một 
oc giót nước mơn trong trâm ngin ức 
triệu cái sóng dưới số đo nhan trên 
mat bê. Con người ta là một giòng 
"hưu-hạn": sức mạnh kia có nguyên 
yeu, tình thanh kia có ngay suy, cái 
hưu-hinh vò-hình nay có ngay ra 
trò ra khối cái, mà tảo-vật von y 
nhiên, nước bể von quay cuốn, 
chua biết bao giờ là cùng-kết. Lấy 
cái như-hạn mà theo đuổi cái vò-han, 
nghy vay thay! Rồi mà kh’ai-niém lên, trống-
vương cả vű-trú cùng như hình-ảnh 
cái mặt bể do mà thôi; trọng-trương 
cả moon vò-gióng vật sinh-trương 
trong khowáng không vò-cùng, cùng như 
thần minh ngời trên bái cái do mà 
thôi; mà thần minh đối với cái toàn-
thể chẳng qua cùng như con vi-trùng 
trong giót nước bể do mà thôi; mà 
moon loài moon giòng tử bão gió đến 
gió cùng von xò-sát nhan, canh-tran-nhan, 
trong-tàn trọng-diệt nhan, như 
đám sóng chạy cùng độ do mà thôi; rồi 
mah-oanh-nhiên trọng như nước bể 
dâng lên toàn cả mặt đất rõi, mà 
minh thi bi cuốn vào trong lân sóng, 
trôi chạy đi, không biết tôi đâu! Hãy 
thần phán người ta trong cảnh-vật như 
thể. Dáng thường mà đãng buôn thay! 
Nhuong mà một cái linh-cảm trong 
lòng, một tư-trương trong trí, một cái 
ai-tinh thành-thực chân-dốc, một sự 
cambil-dũng nhiệt-thành thấm-thiệt, còn 
cao hon, còn có giá-trí hon cái mảnh-
lúc vò-dung của tao-vật biết bao 
nhiền! Quả tim của dia câu là cái bề 
lơn kia có dòng mà không có hi-vọng, 
chớ cái quá tim của người ta nay, biết 
phát-phồng, biết thơn-thực, biết mơ-
màng, mong-mói như ngư tưuệt-phạm 
cao-xa. Người ta cao hon tảo-vật biết 
bao nhiền! Nhưong mà sự cao-thương 
ày là tự lòng người, vậy thì cái phép-
tắc của đạo tu-thần xư-đính cùng phải 
tim ở lòng người, không thể bàng ở 
cái tảo-vật vò-tính, cái thiên-ly hư-
khoảng được. — THƯƠNG-CHI.


Giới Nam-phong, cbuôn (1) Ngu-quoi;
Hò-hét cùng nhaú ke một nơi;
Kể trước tôi, người sau tôi.

Tới cho dâu được có, bů văn-minh;
Trươc anh chỉ, (2) sau em  unterstützen (3)
Gió thôi chuón rung mời phong-tục;
Lời chau ngoe, giống thanh-tao.

Ngài do trong ny (4) có khác sao?
Anh Quyển, (5) Trạc (6) chỉ Kim, (7) Bông, (8)
Xin giúp chúng tôi có Nam-châu! (9)
Gô Mai-lành, (10) nước Nhĩ-hà,
Nước nước non non non ta vài ta.

Nước dâ trong, non còn xanh,
Vàng đa dòng-tiem chuyển dánh dằn.

Biêu-dông-tinh, tình huynh-dệ, (11)
Tây-Hiền chánh-thất (12) với Nguyệt-Anh, (13)
Xin phê-bi, chở phụ rày,
Giớ dài xa đưa một viên nay.


Suông Nguyệt-Anh
Khuyến người hong gió

I

Báo Nam-phong,
Giai con nơng;
Chung khua đập bậc,
Sắm đây bè đông;
Giói Nam trong ba xsr,
Gió mót một lương chung,
Văn-chương lụa lọt phổ-thông,
Hocthát theo nghĩa thời-chung.
Luồng ngày lợi thằng.
Gió phát đủa dòng.
Thơ vua bàn về gấm hóng,
Tiếng thơm bay khắp ngoại trong.
Gió báo sau này mộng thông-vuong,
Nam chầu khua đồng khắp non sông.

II

Nơi có cô nhật,
Chơn lân hóng,
Đồng hóng gió;
Hội hội các ông,
Cùng giọng Lạc-Hồng.
Ngâm năm mè-màu mài,
Giặc ngù suối dLEM dòng,
Đây mà trọng,
Gió đã rằng dòng,
Gió ở mua Mỷ dũng-dũng,
Người đăng gió tàn ta đúng không,
Trống mặt non sông lại thin-thùng.

III

Nay này
Người kháp các vòng,
Uống nước một dòng,
Ta yêu thương cùng, báo thương cùng.
Học khôn học khéo,
Cùng sự cùng lòng,
Nghi sao tố mãi mà,
Nghi sao đằng tổ-tông,
Nghi sao văn-minh theo các nước,
Nghi sao báo-dập ơn củu-trưng;
Thế mới là còn tiến chung rồng,
Thế càng nức tiếng báo vở-cùng.

Tứ-tài Đặng Xuân-Phương

Mừng Nam-phong


Xem báo Nam-phong gió số 12, moi biếu báo chân hai tuổi. Hai tuổi cùng chang là non cốt, cả sáp-si vào kỳ thiên-nień. Có câu rằng: Ldao ở bạch-túc bất như phượng-hoàng so-sinh. Nam-phong thật là chim phượng-hoàng, mỗi đề cùng qui, nỡa là trái báo nhiều cảnh-phu khó nhọc được có tuân lên hai. Sinh báo Nam-phong, ý giới thò-vôg côi Việm-bang non-nước dã lâu, mượn tay dốc Toàn-quyền Xa-Lô cùng Kim Thượng ta cho dương báo ấy để giao nồng. Trinh-dò rộng-rái, hi-vông to tót, trách-nhiệm nhân-nháo, báo Nam-phong ha chẳng tự mừng tự trọng. Sao cho ngày càng như gân như vóc như hoa như vẻ, trinh-dò càng ngày càng rộng-rái, hi-vông càng ngày càng to לת, trách-nhiệm càng ngày càng nhờ-nháo. Trinh-dò báo, hi-vông báo, tự-tương báo càng tuổi báo mỗi ngày mỗi bón, mỗi bón mỗi hay mỗi khốn. Đừ trăm tuổi nghỉn đủ tiếu muốn tuổi vẫn cùng giảng-song cùng trẻ dai. Ta mùa g báo, mùa tuổi báo, mừng cả dồng-nhanh báo, không phải mừng tự nhắm thêm tuổi, tính tuổi làm mừng báo này báo tuổi báo gia, càng càng đến càng dai, chịu hà có phải thêm tuổi trưởng gia, già mà cột, thế thì ta mừng mà chi, ai mừng mà chi?

Ta mừng nay, mừng mà vở-hơn căn-tình, vở-hơn hi-vông, bất-dắc bút ra câu chúc như sau nay:

Nam-phong vẫn van tươi!

phong thanh tú-hài bất giá xuan, 風清四 海物 賢春. Miên không phu sợi to vac Hâu, ngọn bút kinh Lân. Nhớ Thanh-du đa an-căn phó-thác. Gió thôi kháp quy Trung, Nam, Bác,
đầu đầu đều giây khúc Nam-huân, Văn-mình
noi bước dần dần!

PHẠM XUÂN-NÚNG

Mừng báo Nam-phông
Mừng ngày kỷ-niệm báo Nam-phông,
 Xuất hiện dấy niêm chơn Như-Núng,
 Bè học tung hoành ngồi bật sát,
 Rừng vân rừng lạy tiếng chung dòng.
 Mơ đường tiến-bố giới dòng Á,
 Gieo giống Văn-minh đất Lạc-hông
 Giặc mông nghìn thu con giọt thơ song,
 Tiễn Rồng cho dũng mặt Tiền Rồng.

VŨ DỊNH-LƯƠNG

Thương mình
(Trong thây ánh mình mà thương)
Chẳng béo mà ra cùng chẳng giây,
 Ở-ở Như đai lại như ngày
Nước non lụt-loi thân chim nồi,
 Nhà cùa hoằng-tân nồi đang cay.
 Ba văn ngày hồn còn tồn đói,
 Hai mươi năm lâm lỡ mối là đây
 Ngữ thế ta ta gầm cho ta thật,
 Côi thể nào mong lại có rày.

Gửi cho bạn mà hồng
Tắp-tenh mong quan thương đưng ngồi,
 Lên bả khờ làm hối em ơi.
 Học hành tiếng Pháp không theo nữa,
 Thi e ơi Nghe Nho đã bở rói.
 Hỡ phân đã sinh thơ buồn khó,
 Mà giờ lại phu tình hay chao.
 Thồi thì sớm liều tim nơi khác,
 Mong-mỗi anh ơi lại nhớ thơ.

Chơi Sâm-sơn
(紅粉青山)
Non xanh một giải nước bao-la,
 Non cùng non ta nước nước nhà,
 Phong-cảnh chánh ngày lòng trùng-sĩ,
 Có hoa thêm vẻ khóc quan-thoa.
 Mới tình chốn đa rậm lòng song,
 Câu chuyện con ồn thuyên một khúc ca,
 Thú ây giây như mà sần ơi,
 Ta chơi cho mãi đến khi giây.

Than sấu
Mít-dắc ngày đi lại hóa hay,
 Chuyển đối chẳng biết lại chẳng cay.
 Chẳng ngộ họ lại ra như thế.
 Náo tương ta dâu đến nói này.
 Thành-thi vàng lại ai đó tả,
 Non sông quân-quất ấy là đây.
 Phương tương mưa ảo coi hay ơi,
 Cuộc thế khen cho kheo đặt bày.

Đêm buồn
Đêm thu bùng-lắng bóng giang mờ,
 Ngữ chuyển xa gắn lương ngàn-ngọ.
 Thời tục ra chi mà chẳng chán,
 Nơi mình nói đên lại thêm đới.
 Thi thì cười cười thì sêp,
 A ă Az ă ưu nêu có ơi,
 Đắn-dốc cảnh khuya khôn thơm mát,
 Bàn đầu đi đặt máy giầy tớ.

Vi-giang TRẦN TẤT-DẠT

Vịnh Mì-châu
Tình hiểu hai bên thật một lòng,
 Như tin nguyên-roc phụ non non song,
 Cũng đường mắt nước đối hùng lê,
 Buộc giác lầm ta một nấm long,
 Chết nỗi xách con mang gâ giấc!
 Trách sao nên gài quá nhẹ chông!
 Thói thời văn Thục hỏi đến bética,
 Phản bác con chỉ tới mà hồng.

Để truyền Kiều
Sang đến nhà Viên cùng cười, a,
 Phủ-quan chẳng nể ước Viên a,
 Kim không được giây về tang thù,
 Kiều dễ hằng mình chước tôi cha
 Nhớ bố ngôi thuyết chiếu người phân đi,
 Buồn do giờ bâu đủa giăng hoa,
 Nước đối đỉnh-tý đầy tiền câu,
 Thu sêp ơn chỉ chủ Lai giây.

Hữu-Tô

Bài vô-dề
Giống dới ta nay giống Lạc-hông,
 Anh em nay có biết hay không?
 Bả sinh tài mặt trong gió đi nhật,
 Phải giữ cườing-thương nói tốt lòng.
Hoa thắm nhỉ tuổi vị gốc chút,
Cành khô là herô bởi cây lớn.
Bay giờ vụn-thơi bằng chí nhỉ,
Chỉ tài yêu nhau một tâm lòng.

**Thái-Bình Phạm Xân-Phái**

**Ngày kỷ-niệm mồng 2 tháng 5**

1
Dấu năm mồng một cuội ba muối,
Ngày tháng mua vui dat herô ơi!
Biển hai kia-hà rồi xuân-tê,
Đàn-thơn dinh-dâm mãi án choi,
Thằng ba thành-minh đi đạo-mô,
Một ba hân-thực làm bành trỗi,
Thằng tư voi, ngủa lề câu mất,
Thằng năm Đoan-ngũ gân tới nói,
Thằng sầu xương đông lề tần-nông,
Thằng bày đọt mà trung-nguyễn roĩ,
Ngôn Nguyệt trung-thu dinh tháng tâm,
Trùng-cựu trùng-thấp tháng chín, muối,
Thằng một hai còn tiết dòng-chi,
Thằng chấp ông Tào lên tiêu giới;
Trúc-tích vũ xong nguyễn-dân tối,
Quan nam tiết-đất rõ buồn cười,
Trừ-thời bắt-tiết tình còn mồi,
Hơi heo khánh diệu kê càng dài,
Chư ràng le-nghia do biên-giá,
Hay giờ không ai bạo được ai,
Kinh chằng nhỏ phiền xin nhà lại,
Thèmes bột khuyen nhau đợ một hai,
Tình gì mà thường người chút chây,
A gửi mà nhờ Giải-chi-Thời,
Quan Ông quyến dâu mà hạnh-khiển,
Dia-ngúc tôi dẩm mà thà hoài,
Bằng-cao thứ gì ngày trùng-cuú,
Ông Tào lâu sao hết truyền người.
Rồi hồi nhỉ di rồi nghệ lại,
An ơ có dâu nên có đoài,
Khi trước người Tâu đương báo-hô,
Bay giờ dâm-tri một bán-khai,
On cụ Tích, Nhậm ghi tác giã,
Lời ông Không, Manh rò vào tai,
Lấm bận cùng mong được học bận,
Ô đối đồng quân phải chiều đối,
Ngày nay ngôi-hoảng hân kỷ-niệm.
Là ngày thành mới lớn lên ngôi,
Gây dưng co-dố tông khó nhọc.
Mở-mang bố cói khắp trong ngài,
Muối niên Lé-tô so còn kềm.
Một thòng Đình-Tiên kể chứa tía,
Đốt hương đọc hết nhớu Do-chi,
Nửa mưng nửa càng chếp một bài,
Cuóc vui nò phải dàn cùng sáo,
Chén thơ sa đăng tuyệt với mai,
Cô scre học hành hòm mở mặt,
Đêm lòng trung hiếu gánh hai vai,
Bắt cơm tâm ao còn non âm,
Non nước còn năm vẫn nhớ ngày.

II
Kéo cờ kỷ-niệm donde Cao-hoàng,
Giá trê gân xa được vẻ-vang.
Non nước còn ghi công tài-tao,
Thằng ngày như tặc lúc đằng-quang.
Thằng grom quê-bào chuyên muôn kịp,
Hai chú Gia-long khắp bốn phương.
Đẹp dâm của ta ta phía khó,
Cách ba hôm núa tết Đoan-duong.

**Tứ-tài Đoan-Ky**

**Mừng ngữ-gia Bác-tuần**

Bừng-bừng hoi giay gió Nam-hoa,
Nguy tói xuân vira tiết tháng ba,
Diêm riêng nám máy rồng sảng vế,
Ou dấm hai nước nhân yên nhà,
Non sông rực-rô in lâu gấm,
Đạo-lý dua tuổi máy viễn hoa,
Cõi Hàn triều-nghiui may lại thay,
Thái-bình may gập buổi chưa giã.

**Nguyễn Văn-Tuấn**

**Dịch nôm bài lưu-gián khi ăn yên của quan họ-giá đại-thần Liên-dình Bắt-tuốc**

Vìa té giao xong Ngư-giá ra,
Long-thành ban yên khắp gian xã.
Trong ngoài dâu dôi on Thiên-từ,
Gặp gờ may chờ bổn Chúng la.
A giaco-thông phong-bớ mái,
Bạc nam xum-họp nước non nhà.
Mấy nơii goccer chán-an-cân nhù,
Trung hiếu khuyen nhân giữ dàn giã.
Để sách chép tục-ngữ
Quốc-tự nghe năm giữ được còn,
Cùng nhớ vị có tiếng phương-ngữ.
Biết bao những giọt cười cười khóc,
Để mãi làm gương dại dại khôn.
Mường bút ghi truyền câu ngăn-ngữ,
Xoài đến như giằng cái thân-hồn.
Hồi ai còn cháu nhà Hồng-Lạc,
Tình lại nghe nhớ đây Tổ-tông.

Mừng báo
Cha giờ me đặt đế và mới,
Anh báo Nam-phong mới tubi tôi.
Mứa móc Lạc-Hồng rào uông sôa,
Nước non Rúc-Trân nằng kẻ vai.
Bồn phương người mến lòng khai-hoa,
Chín-bể vua yêu nét phụ-tái.
Mặt mắt mừng nhoai khi tình đót,
Bróc lên bay tám chim môi muối.

Những bài dịch thơ Ngu-từ văn còn
tiếp được nhiều làm, sau sẽ dùng; song xin
các người tự nâng đăng giữ nữa, vi tháng
nay là hết hạn, bàn-bảo dinh thời không
thu cua ai cả.

Trúc-dâu móc-tiết

— Người quan-từ hơn người nhất là ở chỗ hư-tám (TAN-QUỐC-PHIÊ).— Dũng cái hay của người ta mà bô cái giọt đi cho người, chịu bất-tất
bô cái hay của người mà dùng cái giọt (HỒ VĂN-TRÚNG).— Thế-giới là một nhà học lớn, hoạn-nạn là một ông thay hay.
— Bồn ta muốn làm đại-sự-nghiệp phải ở lục thanh-niên.
— Phường ngu chỉ biết lởi người mà không tư biết lởi mình (cách-ngộn T-proxy).

MÁN-CHÂU thuật
Phùng-ông người Quảng-bình, có một con gái tên là Trường-như, vốn con nhà học-trở.

Phùng-ông khi ấy đã gian sau mùa tuổi, mà tình-khi cường-ngành, nên vốn nghèo-khiết; trong mấy năm giới, vợ và con dâu đều chết luôn mảnh cá, công việc bèn nước trong nhà hài cha con đều phải làm lấy.

Một hôm kia, Phùng-sinh (Trường-Như) ngồi chơi dưới bóng giảng, chợt thấy người con gái bên lang-diểng qua trường ngô sang. Phùng-sinh trông thấy đẹp, bước tới gần, thấy mình cười, lấy tay vây, thì người con gái chẳng bước tới cùng chẳng bước đi. Phùng-sinh có mối sang, cùng rủ nhau vào nhà trong tự-tình, hối hò tên, người con gái nói:

Thìệt tên là Hồng-ngọc,ở bên lang điểng này.

Phùng-sinh rất yêu-mến, bèn cùng hòa-duyên dinh-trước, người con gái xin vắng, từ đây cứ đêm nào cùng đi lại với nhau, trông chúng được nữa năm giờ.

Một đêm Phùng-ông thích giấc dậy, nghe nhà trong có tiếng cười nội, bèn bước vào xem, thấy có người con gái, ông nội ngồi, gọi Phùng-sinh ra, mảng rằng:

— Đồ sus-sinh kia, sao may hừ thể? nhà đã sa-sút thế này, mà may không chịu khó học-hạnh, lại học những thời dâm-dâng. Người ta biết ra thì cho may là con nhà thất-dực; người ta không biết ra, thì cũng là tôn-thọ cho may.

Phùng-sinh qui lay, kêu khóc xin chữa, ông bèn mằng người con gái rằng:

— Sao con nhà khuê-các không biết giữ nét-na, đã lắm điểm-húc mình, lại lắm điểm-húc cả đến người, nếu lỡ-truyền ra thì chẳng dễ nhờ-nhuộc cho nhà ta ư?

Ông mạng ro, lui ra đi nghĩ, Hồng-ngọc rô nước mắt nói rằng:

— Nay tôi bị quố-trạch, xầu-hô vô-chúng, thôi nhân-duyên đôi ta, đến thế là hết!

Phùng-sinh nói:

— Ta thiện cón có cha, nên không dám tự-chuyền. Nàng nên có tính yêu ta, thì hay xin chịu khó nhân-húc vậy.

Nhưng Hồng-ngọc cố-tính quyết-biết. Phùng-sinh rô nước mắt khóc. Hồng-ngọc lại khuyên bão rằng:

— Chàng ơi! Thiệp với chàng, không có lời mời-lại, không droc menh cha mẹ, mà chỉ qua trường cất lên với nhau, sao hay an ơ với nhau đến bậc đâu được. Thiệp nghe ở đang kia có một người con gái đẹp, chẳng nên hối mà lấy thì hơn.

Phùng-sinh ngoài rằng nhà mình nghèo, không lấy tiền đâu mà cười được. Hồng-ngọc nói:

— Tôi mai xin đói, thiệp sẽ lo-láng hở chàng.

Tôi hôm sau quả-nhiên Hồng-ngọc lại đến, dura ra rằng bằng tụng Phùng-sinh nói rằng:

— Ngó-thồn ở gần đây đó sau mùa đó dàm đường, có con gái nhà họ Vệ, mời mười tam tuổi, chỉ vi cao-gia, nên chưa đắt chồng, nên chẳng dem trong-lê đến hỏi thi nhân là được.

Hồng-ngọc nói rồi đi giọt ra vẻ. Phùng-sinh nhân lúc thưa-nhan thưa
truyện với cha, xin đi xem mật; nhưng
món tiền của nàng Hồng-ngọc tăng;
van không đâm nói cho cha biết.
Phùng-ông nghĩ rằng nhà mình không
sẵn tiền lấy đâu mà cười, ngần bạo
con thơ đi. Phùng-sinh cãi năn-ni xin
dến hối thứ xem. Phùng-ông cũng
chiếu ý. Phùng-sinh bèn mượn día-lớ
xe ngựa để nhà họ Về. Họ Về vốn là
nổng-gia, Phùng-sinh đến thua truyền
với Phùng-ông. Về-ông biết Phùng-sinh là
còn nhà vương-tốc, lại trong thái phong-
dỗ hiền-nga, trong bưng cùng thuận,
nhưng chỉ lo rằng kễ tiện; Phùng-
sinh nghe Về nói hay còn ham-bỏ,
ben giờ tục bác ra bay lên trên ảnh. Về
cả mừng, liền mời ngồi học-trò bên
băng-điềng sang để nhờ viết giấy
dình-uóc. Phùng-sinh vào nhà trong
chào mế vơ, vi nhà chất-hep, ngồi
con gái vẫn ngồi nắm đằng sau mế;
Phùng-sinh liếc mắt nom thấy bột ĩm
mặc dâu là áo vai xiêm gai, mái tinh-
thần tuyệt đẹp; trong bưng cả mừng,
nói xin cười. Về đáp rằng :
Công-tử không cần phải đến than-
ghiênh, xin để sâm-sửa xem ăc áo
nư-trang rồi sẽ đưa đến. Phùng-sinh dinh-
heten rồi giờ về.

Khi về tới nhà nói với Phùng-
ông rằng họ Về yêu-mến nhà mình thanh-
bạch cũng không có thách tiến cười xin
gi cả. Phùng-ông cũng lấy làm mừng.

Thâm-thoát tôi kỳ, họ Về quả-nhiên
dra ngồi con gái đến. Người con gái
cần-kiem nét-na thanh-hoa, lấy Phùng-
sinh được hồn hai năm, vơ chộng văn
dành-hoa vui-vẻ, sinh được đưa con
dạt lên Phúc-nhi.

Một hôm gặp thiết Thanh-minh. Về-
űn ăm con táo-mô. Hóm ấy có ông
quan trong láng là Tông-thi, trước láng
Ngr-sư, bị tham-tàng phù cạch về ă
nha văn thường ra oai hồng-bạch
trong láng, hôm ấy cũng đi táo-mô trọ
về, trong thấy Về-űn đẹp, hỏi dò người
làng, biết là vợ Phùng-sinh, song nghi
ho Phùng là nhà bán-sĩ, giả-thủ đồ.
dánh cho nhiều của thi có thể lấy
dược, Bên sai gia-nhán đến thứ-y đồ,
dánh. Phùng-sinh chốt nghe nói nội cùng
giản bừng-bừng, nhưng liệu thể mình
không dịch nội, phải giương cười làm
bợi; về nhà thuật truyền lại cho
Phùng-ông biết.

Phùng-ông nội gián, chạy ra, trò giải
vạch đất, khi mà mong lữ gia-nhân cuộ
ký xỉ-nhúc. Lữ gia-nhân bè mặt phải
giờ ra Về. Tông-thi thấy thế nội gián,
lái sai gia-nhân áp-dào đến nhà Phùng
dánh cha con Phùng-ông, la-thết ăm
áo, Về-nũ ở nhà trong, vô-vàng đất
con ở giớim, xoa tóc chạy kề làm
nước cứu-viên. Lữ gia-nhân xóm lại
kéo mang đi mặt.

Cha con Phùng bị thường dau làm,
ren-ri nầm lầm dưới đất, còn đứa bé con thì oia-ao khóc ở trong giớim.
Người lang-dieuc ai cùng thường-sót
chay lại độ cha con Phùng lên trên
gióm. Và hôm sau; Phùng-sinh đã dò
dau, nhưng con phải chằng ngoi dường
dây được. Phùng-ông tức-gian
quá, không ăn, thơ ra huất mà chết

Phùng-sinh thường khóc vô-cùng,
ơm con đi kiên, dà may lên thua đến
quan Độc-phủ, mà cũng không kiên
nơi, sau nghe tin Về-nũ không chăng
khưu mà chết, lại càng thường-xót
lầm, oan-irc không biết kêu vào dàn.
Toan muốn đi đón đường để dăm chệt
Tông-thi, nhưng lại sợ hàn đây-tô theo
hậu dòng, và không biết gửi con cho
ai mà đi được; ngày đệm thường khóc,
không chởn mặt lúc nào.

Chợ thay một người thường-phu
rấm rau cao lon vào nhà hối thám, mà
xra nay chưa tứng quen biết bao giờ.
Phùng-sinh mới ngại, muốn hỏi quế-
quần thì người khách dâ hồi trước
rằng :

— Người có kể thù giê cha, cười
vơ, mà đã quên rồi hay sao?
Phùng-sinh ngồi là người của Tồng-thi cho đến do-thám, mới giả lờ là quen. Khách cả gián, tròn ngược mất lên, trước quay ra mảng rạng:

— Ta tường người là giống người, chó không người là đưa hên-mắt!

Phùng-sinh thấy là người là, với vang quá xưởng năm lại thưa rạng:

— soirée là người của Tống-thi, sa điền thụ tôi. Nếu không phải thì tôi xin thể-li-tô tám phúc, tôi năm gai ném mặt, cảm gián kẻ thứ, đã bây lâu nay, chỉ thường vi đưa con do trong bọc này, sa rằng sa-sát mặt tón-duyên, nên ông đã là người nghĩa-sinh liêu chết được như Chư-Cửu mà cứu lấy cha con tôi chẳng?

Khách nói:

— Những việc dân-bà, con-gái, thì ta không làm được, hạnh như việc người muốn nhờ người, thì người cụ nhân lấy trách-nhẩm ấy; còn cái việc người muốn tự-nhan thì để ta giúp họ cho.

Phùng-sinh nghe nói, với-vàng lấy rập đầu xưởng đại, người khách không đối lại nữa, lui gió ra. Sinh theo hội hội tổ, thì người khách đáp lại rạng:

— Nếu không xong việc thì cùng mang oan, hàng mà xông ra, ta cùng không cần lấy ơn [1].

Nói rứt nhẹ lên đi, Phùng-sinh sơn mạc tài va, ông con đi trốn.

Để hôm ấy, có người tróa qua hai ba lần truong vào nhà Tống-thi, chết chét ba cha con Tống-ngữ-sư, và một đứa ở gái, một con dau. Nhà Tống-thi đau đớn thưa quan, do diệt cho là Phùng-sinh giết. Quan sai lại-dịch di bắt Phùng-sinh. Sính trơn biết thúc, không biết di đâu, hồi thể lại càng thêm nghi-tình. Người nhà họ Tống và lại-

dích di đạo-la khắp các nơi; đường đóm vào đến Nam-son, nghe trong núi có tiếng trê khóc, theo vào bất được Phùng-sinh, trời dem ra; đưa trê lại càng khóc hết mãi lên, chúng xum lại giết lấy đưa bê quàng bô. Phùng-sinh bị oan ức, gián ngắt người đi. Chúng điều về trình quan Huyện. Quan hỏi:

— Sao mấy đâm giết người ta?

Phùng-sinh thua:

— Thục quá là oan, đem hôm Tống-thi chết, thì ban ngày hôm ấy tôi đã óm con tôi di vàng rôi. Và lại âm đưa bê khắc oaaaa lên, thì tài nào trước qua trọng vào mà giết người được.

— Không giết người, làm sao lại di trốn?

Phùng-sinh không sao được nữa quan truyền tổng-giam. Phùng-sinh khúc khẩu rạng:

— Tôi chết cùng không tiếc gì, chỉ thường đưa trê con bô-cô kia, nó có tôi già mà vứt nó đi.

Quan nói:

— May giết mấy mạng con người ta, nên con may chết, cùng chẳng nên oanh-dắn diế này nữa.

Một đêm kia, quan huyễn dướng năm ngữ, chốt nghe có một vật gì đến gospel về giương năm, quan sop giạt mình kề răm lên, cờ nhà đến thục dầy, đánh được sợ thì máy một con đào ngàn, lưới sắc như grom, bánh vào đầu giương ngắp hơn một tặc, rứt ra không được, quan trọng thấy sop mặt via, sai tim kháp các nơi, thì không thấy tang-tịch gi cả. Bưng đã sinh chào, sao nghĩ đến chuyện ché Tống chét, cùng không sop gi nữa, ben thấm-trình lên quan trén, xin tha cho Phùng-sinh.

[1] Để xua nay những người thue nhỉ-lợi thôi chỉ mong giúp đỡ người lả thoa chỉ, nào có mong giúp người mà lấy oan. Đổi là ấy giờ có kẻ mưu tốn tiếng,离退休, kẻ vào việc người một ti đã kẹp ra rồi; giây vào việc người một ti, đã tưởng thế là làm được ông rồi, đối người ta sự suy nhác người ta suy kia hại phiền đến tài cái oan, vợ-ông ấy, theo dằng hyp bờ thấy? Bơn ta nên sẵn lòng làm ơn, đưa làm đước ơn to cho người thue, cùng không nên cậy ơn mà hoặc cái độ đó bô-xuyệt di lấp người dươc ông ta phát bạo-thương ta.

(Ái-Hoa-dài chú-nhan phế-bình)
Sinh được thưa về, cùng-cực không còn có lung cơ thùng gáo nào cả, chỉ có một mình một bông mà thôi.

May nhờ người lang-diễn thương hại đưa cho an ủi, cùng gọi là tâm đo quan ngày, chốt ngô để nội ai và thăm-cực, xuyệt mưa sa-sát mặt cửa nhà, thì giột lệ lại dâng-dã như tuổi, lúc lại thương hại cho mình đã nữa đòi người nghèo-người, chưa nội đòi được toong-chi, thương thò-than khắc-lóc một mình, mà không thể người di được.

Thâm-thoát được mưa năm giờ, việc ná-pham cũng người dân di, Phùng-sinh bèn kêu quan Huyền xin phần-ghi hai-cốt Vệ-thi, Phùng-sinh đưa về liễm-tảng xỏng, thương-khó ngắt di, đẩn-doc trên giường, không thể sòng được mưa, chốt ngô có tiếng gọi cửa, lang tại nghe thì thấy có tiếng người ở ngoài cửa, thì-thảm nói đội đưa bê con ; Phùng-sinh kip dằng dầy đơn, thấy có bồng người con gái, mở cửa ra xem, thì người con gái liễm lên rằng :

-Nơi oan đó trả sạch rồi, may cùng không con sao chừ?

Phùng-sinh nghe tiếng quen quen mà thẳng-thốt chưa biết là ai, dot đến lên xem thì ra nàng Hồng-ngọc ; bèn nách âm một đứa bê con, tỉ-bồn đưa cửa. Phùng-sinh chưa kịp hỏi gì cả, nắm ngày lấy đứa con khốc ở lên, đưa con cùng buồn rầu, nâng bén báo đứa con rằng :

-Mà quen cha mà rỗi u?

Đưa con nắm lấy áo người con gái, mất trung-trúng trọng Phùng-sinh. Nhìn kỹ xem thì là Phúc-nhi, cả kinh, khốc hồi rằng :

- Tìm thấy con ở đâu?

Người con gái đáp :

-Nay thếp xin nói thực cùng chẳng, người con gái lang-diễn ngày trước cũng là thếp, mà thếp thực là hổ-tình, nhân đềm trước đi chơi, nghe tiếng tre khóc ở trong hang, mời ở nờ nó về nơi ; đên bày giới nghe dại-nán đã yên rôi, mời am nó lại ngày để cùng chẳng doan-ту vậy.

Phùng-sinh gạt nước mắt và la. Đưa bé con vào ngồi lòng người con gái, như là ôm-áp lấy mẹ, không biết nên đên cha nữa.

Giới gian sáng, người con gái vói-vàng đứng đây, Sinh hối, đáp rằng :

-Thiếp xin tử-bież mà đi đây.

Sinh qui xuống bên giường, khốc nức-nó không ngãng lên được nữa, người con gái cười rằng :

-Thiếp nói bốn chẳng do mà thôi, nơi nhà ta mới dầm rau dầm bể, không thực khuya đất sớm thì không xong.

Nơi rỗi bèn đứng đây di đơn-dep cửa nhà, cảm chối quét-trước, làm-dưng nhanh-nhen như con gai. Phùng-sinh lo nhà nghèo, không kiếm đủ ăn. Người con gái nói :

-Xin chăng cứ buồng màn đọc sách, việc trong nhà thiếu đủ, không cần phải lo đến, không đến nơi chết dồi mà lo.

Người con gái bèn bố liên bậc ra sâm-sứa khung cửi, thue vài muoi nằm trướng, muôn người cay-cay ; khi mạng liễm đi cắt cỏ, khi kẻo la về lợp nhà, hàng ngày như vậy. Láng xóm nghe nàng có dực hiền, ai cùng vui lòng giúp-dính tiễn-cua cho; nhưng được nữa, trong nhà đã hưng-vương, chẳng khác gì nhà văn phong-phúc xưa nay, Sinh nói :

-Nhà ta sao khi gió tán lúy người, mà nạng chỉ đổi bàn tay tráng, lại tài-tạo được co-dố. Nhưng cộng một về việc này chưa ổn-thòa, biết làm sao đây?
Người con gái hỏi:
— Viêc gì?
Sinh đáp:
Nay kỳ thi đã đến nơi, mà ta chưa di khai-phục được tên đề ứng thi.
Người con gái cười rằng:
— Trước tiếp đi giả giả quan Giáo bọn lang bắc, đã khai-phục tên chẳng ở danh-sách rồi; nếu đối chẳng nói, thì còn kịp sao được nữa?
Phương-sinh càng lấy làm la, khoa ấy thì đó hương-công, mối ba mưu sầu
luôi, mà ruồng cả ao liên, nhà ngồi cây mit, nhà cửa dã to đầy đỉnh rỗi.

Người con gái ấy bóng dáng cesso la, gió thời bất, mà làm-lưng châm quả kẻ nông-gia-phụ, đầu mửa dòng rết-mrót châm làm vất-vã, mà nghị lay vẫn mềm-mai không hương như dỗ mồ; nói là dã ba mưu rỗi, mà người ta xem ra vẫn thấy thương trẻ như con gái đòi-mưu.

Đồng-châu Nguyễn Hưu-tiền
(Dịch nominal)

Đồng-lân táy-trào
東鱗西爪

— Giấu sương cổng-dành đến là cãi phù sinh ở nhán-thể, chỉ có trong lòng rồng-rắn mới thè xuất-ledo (Tăng Văn-Chinh).

— Thi-phí không rã, tiết nghĩa không bẩn, ấy thiên-ha loan vì thể do. (Hồ Văn-Trung)


— Chẳng làm thành-hủen, thái lân chinh mường, chờ hội đến sự gài với ta hãy cỉ cỏ bá đi. (Tăng Văn-Chinh).

— Người ta hồn-hỏi như tên tần-xuăn bona ta chỉ những lo cùng lằng (Hồ Văn-Trung)

— Quyen on người ta ấy mà một giống nhược-tinh, ta dạy chửa thấy những người tài năng lại không cảm-la người khác bao giờ. (cách-ngon Tùng)

Nguyễn Mạnh-Bông thuat
Sức chiến đấu của Đông-minh vung vang.

Thằng sáu năm với thằng ba thời kiểm di mưới hai năm nghing tâm trăm ba mươi tư tâu.
Thằng sáu năm với thằng tư kiểm di ba vạn bảy ngàn bài trăm mươi tư tần.
Thằng sáu năm với thằng năm kiểm di năm trăm một nghìn chín trăm lăm năm.
Lời trong ba thằng nay những tăng và quân quế đi ra,录ccccchpng建设用地ENCELicmEEDihEHho단nungstuffTHEGIOR.Ly cả tính hình về phong diền các phương tiện của Đông-minh manh mẹ biết chừng nào.

Thời nay sức chiến đấu quan Mi đã phó lơi ra thể giới rồi. Quân ta kia đã ngườ nhu bè kẽo dò bô cớ quốc Phap. Phương diện Dũng-minh, thanh thể càng càng tăng, dẫu cho quân Nga không được chăm kỳ lên nữa thời sơ toàn thằng thể nào cũng về Dũng-minh vậy. Quân đức kia như thằng chăng thưa thời cùng không sao được ngờ nữa.

Văn đề Tay-bá-lợi-a. - Mông-mệnh,mình-mông không có chỉ là trung tâm, không biết đâu là trung tâm, cải lạc,cuc ở Tay-bá-lợi-a kia, thạc mỗi biết Dũng-minh năng noch! Lâu nay đã từng phên nước Tâu nước Nhật hỗn-hôi xuất bình, thêm mà thế ra đến cải kết quả tối hậu lại quay về đến Dũng-minh phải cùng nhau xuất bình, cải vấn đề ấy đã thành ra như thế rồi. Ơi! cả nước chín trăm ngày nay, thạc là một cải cực từ xưa đến nay không��g bi giờ có như thế, không cự ràng ở An-chau chưa có hồi nào có cực nay, mà dể thường cả thể-giới nay cùng vậy. Dánh nhau! đánh nhau! xuất bình! xuất bình! loa! các nhau báo, các sở công, các nhau văn-si, bài báo phong dụng bịt muc mà viết đi viết lại đến những chữ ấy, bán dân thiên hạ đa bao phèn nhac đi hết lại để...
THỜI ĐÀM

123


Song le cùng vi ngưới Nga bi quân Đức đánh lừa, mà nên trong nước nội-loan, rồi mà cái hoa-loan ẵy lại gây đưa sang đến phia Bắc chấu, mà đặt Tây-bá-loi-iă này mới thành ra một vấn-de phải tiêu-trù quân Đức đi để giả lạy cuộc hòa-binh cho chấu Â; mà Đống-minh Pháp, Anh, Mỹ cùng với Tàu và Nội Định nói phải kết một quân đối đồng-mánh ć đố-phó, bon ta cũng cần phải biết đến cái nguyên-do sự xuất-bình này, nên chế quan ra đây.


* * *

bất đầu như lạ vị đăng quan-kịch nước: Nga bày tỏ một sự nói-chính, sở rằng một phen đã can-thiedad hoặc khi du-khoi cái lạc-câm của phần thiểu người Nga thêm sự phụ-nối ra. Khi đến lúc tối hậu, nếu không can-thiedad tôi sở cái thể-lực quan Đệ lai dân đã thấm-ahuôn ở trong nơi-bô nước Nga, thì thiếu là sự nước Nga thành ra cái chủ chìm lòng của nước 2B. Cho nên Đông-mình nhân-dịn giữ nê trên cái điều can-thiedad, nói-chính nước Nga mà gây nên một cái chính-sách đối-phó với nước Nga cho thể-dàng kinh-trúc cái thể-lực quan Đệ nước Nga đi thể là điều tật-yên cho sự xuất-bình ở Tây-bảo-lợi-a và vấn vấn.


Cứ một cái báo Tây kia chếp thời rằng: "khi bày gay Đông-mình đã quyết-dình cộng-dòng xuất-bình là cả han & Hải-sâm-uy làm phầm-vi, muc-dịch đã nho, thời số quan doái can-nhu cùng dam-bót văn vấn v.v... Nhung ở ngoài dời rằng: các nước đắn phải đi linh, nước Táu trước một hồn-thanh-lững, nước Nhật một sử-soạn, nước Pháp, Anh, Mĩ môi nước bao nhiêu do v.v... Quan-dội của Anh, Mĩ đã theo đường bế đến Hải-sâm-uy rồi, Nhất-bản dựng trách-nhiệm văn than v.v... Song lại cứ như tin mới rồi, thời bính như một-diện ở Tây-bảo-lợi-a không dược ồn, cho nên cái pham-vi xuất-bình họa có nhân thể mà phải nên khóang-sùng đến phương-diện ấy chẳng, còn khó hiểu dược.

**VIỆC TRONG NƯỚC**

Quan Van Vollenhoven tư trần.


Cuối năm 1913 khi quan Sarratt về Tây giao lại chức Toàn-quyen cho ngại cho đến hồi tháng 8 năm 1914 mà sự chỉn-tranh bên Âu-chau phát-sinh ra. Ngài làm việc hết sức nhiệt-thính.


Ôi! nước Pháp nay mà một người trung-thần, mà người trung-thần ấy lại là một bực
diễn-thúệt của quan Thường-thừ bộ bình Võ-Liêm đất trong Quốc-tử-giam.

Tới tuân lối thành düşün và gây quan tốc-hoại Bại-thần, hôm nay ra đây diễn-thúệ, về kỳ-thùi hài Tới xem lạy nay các quan diễn-thúệ đã nhiều, chẳng những diễn-thùởng man an, dẫu cho dỏi lê luật thể-chế dân-sanh lối bình nhiều đốn quan yêu, các ngại diễm đã hết lê rô ràng: tôi trong chẳng còn sự chì hay, diễn thểm được nữa.

Vua ngày hôm qua, có một ông hạn đến tham. Ông ta cùng người khéo-muề,uggle có ra làm phụ huyễn đến ba bốn lần, hạ-dán tình tục, cùng hiểu được nhiều, thay tôi người nghiêm, hồi nghĩ sự chỉ? Tôi nói: "Nghi một hài đều, dễ đi đến các Thầy sanh-vên hầu-hộ Quốc-tử-giam." Ông ta nói rằng về sự diễn-thúệ ấy, trước thời mồ-mang chánh-tri cho đến lơi văn-minh, mà sau các ông sanh-vien ra làm phú huyễn cho được chuẩn thể-am-trương, khối đồn làm lơi, vay nén may hôm trước, ông ta có theo các Thầy sanh-niên dân nghe may kỷ diễn-thúệ, vì ngày trước ông ta làm phụ huyễn nhiều phán chắc trò, nay mới vào nghe, cho biết mình ngày trước làm lơi thế nào là sai, mà người ta ngày sa sa làm thế nó hay là phải, dể cho thị-nghèng việc đổi. Vây mà những ông ta đó được nghe đó, lê luật thể-chế, nói văn rộ-ràng, còn nói làm dân tịnh-thế, liệu sư có-ngoại, phải làm sao cho xong việc đổi, tôi ông ta còn chưa được hiền! Nhưng lơi ông ta trước lão phụ huyễn, lê luật cùng thủ như chào, bì trí, bì duy đi đến ba bốn lần, mới hay việc thân-dân là khó, phải biết cho dù mới lê, mới khó mang chung sanh-so. Thay những lơi ông ta nói vậy, tôi nói hỏi: "trước ông bị trí bì đồi về những khoản chi, hài nói mà nghe, tôi xin bài giải." Những khoản ông ta nói và lơi gãi xin kẻ sau này.

Khoảng thuận nhất: ông ta nói: "làn đâu ra làm tri-huyễn Tôn-dính bì may cái an làm không ngã, thân thời nhàn-chảng chẳng còn, dùa thi chắt, dùa thị tròn, an thời việc đã lâu ngày, tra-cưu nhiều lần, không rõ mỗi manh chỉ nữa; còn những an khác, nhân chủng lối-thơi, dời được dựa no thì không dưa kia, dân khi chủng đudget đến nhà, thời quan-lai không rằng được; hoặc đường khung tra-cưu yếu-pham bi dâu, tính-li chửa đủo rô-ràng, không giăm quí-kết, bất-dắc-dì bảm xin triest một vài hàng, chửa có an nào thanh-dề rất, dời khó lòng, lấn ấy quan trên bất lỏi ràng, an-kiện đôi-tích, phải triệt về tình-sỉ-sất, gap chuyện như vậy phải thể nào?"

Tới giải rằng: "Nhưng an nào nhân-chưng nên-một, lập-an bất-hành thời bảm xin tiêu; an nào chưng-cô mô-ho, sự-kính khối lánh, thời xin huyện-an sỉ-phạt; còn việc hin-an là có kỳ-hắn, dời chừng đến nhà khai cứu, phiền trát phải có kỳ khác rô-ràng. (Nưr đàng di đến nhà nó hai ngày, phi quan làm ngày, đi hai ngày, về hai ngày, và phải thêm ba bốn ngày nữa, phong nói đi làm an chỉ khác... Phiền ấy giao cho Lý trường đi đồi, lê đến hai ba bốn mà nó cùng lần-lưa không tới, thì giây lý-trương khai-kết tự vào trong an, mà kết-dì đi, phải dời nhân-chưng ấy làm cho đến kẻ-try an-kién, và yếu-chưng đến khi tra-cưu, quá thiết bền-tỉnh, cử việc dem vô vàu thuồng trong tình, dà có giây quan Doctor quan khoa xét rô-ràng, giây ấy đỉnh heo bốn an, nói vì có ấy mà lâu, thời quan trên lạy lẽ chỉ ma trách, an-kién sao lại chẳng tham, chẳng như là an-kién, phải làm như tui, dời cho đến việc tự-dưng thuồng-thường các nhà dồi được bốn ngày thì mới bền bì, khi có bền bì thì không bền nguyên, cứ làm giả-gạo ruoi hối, dời nào xong việc? Vây khi đã cháp-dời: roi, thời làm trái dời, phải đỉnh ngày giờ mình-bạch; ngày nào thời khai, ngày nào phục-chắt, ngày nào hỏi-tôi lòng-táo mà sự-doan, tài cùng đỉnh kỳ lân cho chặc; hên đã hạn nên nào thời khắc không đến, hoặc lìa đến mà trì rô ngày giờ, thi nhất-dịn nghiêm tỉ tốt phat, còn việc tên ấy kế là thất lý, chỗ có dụng-tình; một việc như vậy làm cho cả hạt dân, việc quan nơi mở xong được. Hướng chỉ trong mở-tanja, thay trõ nha lạy chi ba bốn người, phan nào làm sự-thu, phan nào thời độc-siصر câu dưỡng, khi thi vào tình vào tòa, khi thi khám-thẩm khâm thò, một thằng ở nhà không dướng ngày, chẳng làm như vậy sao xong? xin biết rằng không phải dời lời thời, cùng không phải việc quan có sự lở thời, chỉ tài mình lời thời dò mà thôi. Lấm cho hồn hòi, việc chê không chay?"


**DU - LUẬN**

**Quốc-nânn thuyết**

Trong hoạn-cầu kẻ ra cho nhiều những chán náo nör nỡ kia, miên đó gôi bài, xúc thị có hım, beo, su-tführung, chỗ thôi có trái ngót họng thom; mời chau đến có vát-sán riêng, mời nör nỡ có bờ có khác. Những mà xét cho kỹ, nghĩ cho xa, thi thứ diñ-cầu nay, chẳng quan là có ba loại mà thôi! một là đồng-vát, hai là thuc-vát, ba là khoảng-vát.


Cô người nội rằng: Tiếng mình không dã mà nói, nên đừng chức không hay, không thầm thính bằng chức Tàu.


Còn Như nội rằng chức mình không hay, không thầm-thính, thì nhà nội dời cho thứ mưới văn-chương của tiếng nước ta. Xem như thơ, phò, văn bài của nhà danh-sê xua nay, chỉ chỉ kế hay, kể dã không xiet, mà cho đến dân-bả, như là bản dạy Thanh-quan, có câu thơ rằng:

Dưới chân đúng lại: trỗi, non, nước.
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Trong hai câu thơ dời mà ta ra biết bao là văn, chung tình tưới: nào là trỗi, nào là non, nào là nước, nào là chủ không nội mà thanh, nào là chủ phải ngâm mỗi tình. Văn Quốc-ngữ không hay sao?


Cơn chura Tàu với chura Pháp dời cũng nên chóc, mà học chura Tàu thời phải học như học Pháp. Học mà nội cho được tiếng Tàu. Học là học theo tiếng quan-thatio của Tàu, để khi giao-thiếp, thì có le hồn.

Được như vậy thời quốc-văn của mình mỗi ngày mỗi trau-nhội, mỗi ngày mỗi dèo-get, thời mỗi ngày mỗi tận tôi mà ra một văn-chương với năm chua trên trái địa-cầu vậy.

Trừ dời Nguyễn-Thuyền phu-tử đã có ý tổ-chúc quốc-văn, mà tiec tiey! người mình không chịu sắp-dắt tư lúc bay gió

Sông-cụ-Thú.
Quan Đại-học tổng-giám-docity Cognacq đại-nhân